

# LUẬN TỊNH ĐỘ

**Nguyên tác: Ngài Thích Ca Tỳ soạn vào đời Đường.**

**Dịch Việt: Thượng Tọa Thích Nguyên Chơn.**

*Nguyên tác chữ Hán của sách này có tên Tịnh Độ Luận do ngài Thích Ca Tỳ soạn vào đời Đường, được xếp vào Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh tập 47, No.1963, tr. 83-104.*

*Khoảng năm 627 – 645, ngài Ca Tỳ trụ ở chùa Hoàng Pháp, kinh đô nhà Đường. Cũng như người cùng thời là Đại sư Thiện Đạo, chịu ảnh hưởng của thiền sư Đạo Xước, Sư hoàng dương giáo nghĩa Tịnh Độ, soạn và hiệu đính nhiều bộ luận.*

*Tịnh Độ Luận là tác phẩm được Sư biên soạn dựa vào bộ An Lạc Tập của ngài Đạo Xước, nhưng công phu hơn nhiều, đã làm nổi bật tư tưởng của An Lạc Tập. Bộ luận gồm 3 quyển chia thành 9 chương, dùng hình thức hỏi đáp trình bày đầy đủ và mạch lạc các nghĩa Báo thân Tịnh độ, Hóa thân Tịnh độ, các phẩm và căn cơ vãng sinh, lí luận về vãng sinh, nêu các trường hợp thực tế vãng sinh, đồng thời so sánh Tịnh độ Cực Lạc với Tịnh độ Đâu-suất, nhấn mạnh và xác quyết khả năng vãng sinh của phàm phu. Rất nhiều hành giả tông Tịnh Độ ở Trung Quốc và Nhật Bản đã sử dụng bộ luận này.*

## LUẬN TỊNH ĐỘ

Một vị công tử còn đấm nơi thế tục đến hỏi một vị tiên sinh đã thông đạt môn Tịnh Độ:

- Tôi từng nghe đạo Phật cao siêu dứt đường ngôn ngữ, pháp môn sâu kín bật chỗ tâm hành. Đó là vì ngôn ngữ đều sinh ra từ tình thức hư vọng, mọi tâm hành đều là ý tưởng điên đảo. Nhưng nay lại nói muốn sinh về Tây phương cần phải một lòng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Thế thì, lẽ nào câu "Dứt đường ngôn ngữ" là sai, lời "bật chỗ tâm hành" chẳng đúng? Vì lòng tôi còn dính mắc, chưa lĩnh hội được nghĩa rộng lớn, xin gỡ cửa cao minh, mở toang chỗ tăm tối này. Thật vậy, cõi chẳng phải nhớ nhiệm, thanh tịnh do tự tâm, nay lại bảo chuyên tưởng Tây phương, tôi muốn lĩnh hội được chỗ chưa hiểu này. Lại nữa, mười phương đều thanh tịnh, sao chỉ cầu sinh về một phương. Cúi xin ngài tháo mở cho tâm thức ràng buộc này.

Tiên sinh nói:

- Hay thay câu hỏi của ông! Nếu không phải bậc sáng suốt thì đâu có thể giải đáp được? Nhưng pháp môn sâu kín chính là tâm ý Như Lai, còn tôi thì thẹn mình không thông đạt, nên chỉ thử bàn luận mà thôi! Người thông đạt nhờ sự thấy biết bén nhạy, vừa nhìn liền phải; kẻ phàm phu trí tuệ cạn cợt, chạm đâu cũng mắc. Tuy Thánh đạo thật rộng lớn, có tám vạn thứ bậc, nhưng tóm lại chẳng ngoài sự và lí. Hai môn này giống như hai bánh của cỗ xe, hai cánh của con chim, nếu thiếu một thì xe không thể đi xa, chim không thể bay cao được. Như **luận Khởi Tín** có nêu ra hai môn Chỉ và Quán; Chỉ thì

duyên lí, Quán thì duyên sự. Nếu chưa thông đạt hai môn này thì mọi thứ cũng chỉ hư vọng và vướng chấp mà thôi! Theo đó, "Đứt đường ngôn ngữ, bắt chỗ tâm hành" là lí, "Cầu sinh Tây phương, trì niệm danh hiệu Phật" là sự. Thật vậy, ba cõi chỉ do tâm hiện, trong cõi đều chẳng nhơ, nếu chưa lên hàng Thập địa thì hãy tạm dùng cảnh để thanh tịnh tâm mình. Tuy mười phương đều thanh tịnh, nhưng cảnh giới trải quá rộng; muốn khiến tâm ý chuyên tưởng đến vãng sinh, nên chỉ xác định một phương mà thôi.

## CHƯƠNG I. XÁC ĐỊNH THỂ TÍNH

Gồm hai phần: Một là Thể tính, hai là thuộc hay không thuộc ba cõi.

**Hỏi:** Cửa Tịnh độ phàm thánh cùng vào, cõi báu A-di-đà mười niệm được lên. Đức Phật A-di-đà đã chấp nhận cho hàng Đại thừa, Tiểu thừa đều đến được cõi của Ngài, muôn loài đều được vãng sinh, nhưng tôi chưa biết hình tướng và thể tính cõi ấy thế nào?

- **Đáp:** Thường thì màu sắc rực rỡ làm chói mắt người, lời văn hoa mỹ che lấp lí lẽ. Nay vì muốn khiến cho kẻ ngu và người trí đều hiểu, nên ở đây bỏ hết những lời phù phiếm, chỉ trình bày điều thiết thực.

### I.1 THỂ TÍNH

Có ba loại Tịnh độ là Pháp thân tịnh độ, Báo thân tịnh độ và Hoá thân tịnh độ.

#### I.1.1 Pháp thân Tịnh độ

Có hai nghĩa: Thẻ của người trụ (Năng trụ nhân) và thẻ của quốc độ được trụ (Sở trụ độ) đó.

#### **I.1.1.1 Thẻ của người trụ**

Theo luận Khởi tín giải thích, người trụ là Như Lai tạng. Thẻ Như Lai tạng có đủ ba nghĩa đại.

**a. Thẻ đại:** Tất cả pháp đều là Chân như bình đẳng không thêm bớt, tức là Chân như một vị. Thẻ này đâu chỉ bao hàm cả trong lẫn ngoài, mà cũng chung cho phàm và thánh.

**b. Tướng đại:** Như Lai tạng có đầy đủ công đức tính vô lậu, tức là có vô số công đức khác nhau. Tướng đại này chỉ loài hữu tình mới có, loài vô tình thì không. Cho nên, *kinh Niết-bàn* ghi: "Loại không có Phật tính là những vật vô tình như tường, vách, ngói, sỏi, v.v...".

**c. Dụng đại:** Như Lai tạng có công năng sinh nhân quả thiện thế gian và xuất thế gian, nên đó chính là dụng của Tướng đại nói ở trên. Ở đây Tướng đại và Dụng đại là thẻ của người trụ, tuy khác nhau, nhưng đều nương vào Chân như một vị mà tồn tại.

#### **I.1.1.2. Thẻ của quốc độ được trụ**

Lấy nghĩa Thẻ đại của Chân như một vị làm thẻ của quốc độ, nghĩa là làm chỗ nương cho vô số đức. Như thế, ở Tịnh độ này, người trụ và quốc độ được trụ cùng một thẻ mà chia ra hai nghĩa.

#### **I.1.2. Báo thân Tịnh độ**

Có hai loại: Thật báo độ và Sự dụng độ.

### **I.1.2.1. Thật báo độ**

Người trụ và quốc độ được trụ cũng có cùng một thể, nghĩa là muôn đức khởi ra lúc đầu là thể của độ ấy. Như phần Thập bát viên tịnh của luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Đại không, vô tướng, v.v... là cửa, ba tuệ là đường”; **kinh Duy-ma-cật** ghi: “Tổng trì là vườn pháp vô lậu là rừng cây”. Nếu nói người trụ là người thấu tóm muôn đức mà thành Phật, thì người trụ và quốc độ được trụ ở đây, tất cả Bồ-tát từ địa vị Kim cương tâm trở xuống đều không thấy được, vì chỉ có Phật và Phật mới thấy mà thôi.

### **I.1.2.2. Sự dụng độ**

Người trụ và quốc độ được trụ khác thể, nghĩa là thể giới Liên Hoa Tạng pha-lê kha, v.v... là thể của quốc độ được trụ. Do đó, **luận Nhiếp Đại thừa** ghi: “Tịnh độ lấy Liên hoa vương làm chỗ nương; đại định, đại bi, vẻ đẹp, tướng quý, v.v... làm thể của người trụ”. Luận Nhiếp Đại thừa cũng ghi: “Ứng thân lấy đại định, đại bi làm thể”. Người trụ và quốc độ được trụ này, các Bồ-tát từ Sơ địa trở lên cho đến Thập địa thấy được tùy theo giai vị chứng ngộ của mình. Chỗ thấy ấy không giống nhau, nghĩa là các Địa có cao thấp khác nhau thì chỗ thấy cũng có thô diệu sai biệt. Cho nên **luận Nhiếp Đại thừa** ghi: “Nếu là Ứng thân thì Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, sẽ không đủ tư lương Bồ-đề”. Thân đó gọi là Báo thân, hoặc Thụ dụng thân, hoặc Ứng thân. Hoàn trả gọi là báo, đáp lí gọi là ứng. Vì người khác mà hưởng pháp vị thì gọi là thụ dụng. Do đó, có thể gọi Báo thân là Thực thân, vì cũng giống như Thụ dụng thân.

### **I.1.3. Hoá thân Tịnh độ Tịnh độ này cũng có hai loại:**

1. Thân thành tựu hạnh lợi tha trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp là Hóa thân tùy cơ. Thân và cõi nước ở đây thường thị hiện không ngừng ở cõi khác trong một kiếp, hoặc trăm năm có đủ 32 tướng quý và 80 vẻ đẹp tùy hình, nghĩa là luôn luôn thị hiện sinh, thường xuyên thị hiện niết-bàn.

2. Hóa thân vốn không mà chợt có, tức là nương vào Hóa thân này lại hóa hiện nhiều Hóa thân khác. Như Phật Thích-ca là Hóa thân tùy cơ lại phân thành các Hóa thân, tức là Hóa thân vốn không có mà chợt có; có thể hiện làm vượn, khỉ, ngựa v.v... không phải chỉ hiện thân Phật.

Thân đã có hai, thì cõi cũng như thế, như các hoa sen vi diệu ở thế giới Diệu Hỷ là Hoá tịnh độ tùy cơ; cũng như trong *kinh Duy-ma-cật*, Như Lai ấn ngón chân xuống đất thì tam thiên thế giới đều thanh tịnh, đây là Hóa tịnh độ vốn không mà chợt có. Hai thân và hai cõi này, hàng Bồ-tát trước Thập địa (Địa tiền), hàng Nhị thừa và phàm phu đều thấy được. Do đó, *luận Nhiếp Đại thừa* ghi: "Nếu là Hóa thân, hàng Thanh Văn độn căn và hàng Bồ-tát Tín nhược vị sơ phát tâm đều không thành tựu được quả vị. Pháp thân và Pháp thân tịnh độ thì chỉ tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn mới thấy được. Báo thân và Báo độ thì nhục nhãn và thiên nhãn cũng thấy được.

- **Hỏi:** Tịnh độ đã có ba, nhưng chưa biết Tây phương thuộc Tịnh độ nào?

- **Đáp:** Cõi Tây phương cũng có ba loại. Nếu là cõi mà Bồ-tát từ Sơ địa trở lên dùng Chính thể trí thấy được thì đó chính là Pháp thân tịnh độ. Nếu là cõi mà Bồ-tát ở Gia hạnh vị dùng Hậu đắc trí thấy được thì chính là Báo thân tịnh độ; nếu là cõi mà Bồ-tát Địa tiền cùng hàng Nhị thừa và phàm phu thấy thì chính là Hóa thân tịnh độ. Như Bồ-tát Long Thọ v.v... vãng sinh thì đều thấy cả Tịnh độ Hóa thân, Pháp thân và Báo thân, vì bậc ở giai vị cao thấy được cõi của giai vị thấp. Vì nghĩa này, nên trong các kinh luận nói cõi Tây phương là Báo độ hoặc là Hóa độ, đều chẳng sai.

- **Hỏi:** Đã biết Tây phương có đủ ba cõi, nhưng chưa biết ngày nay phàm phu niệm Phật vãng sinh, sẽ được sinh về đâu?

- **Đáp:** Theo Nhiếp luận, phàm phu niệm Phật chỉ sinh về Hoá thân tịnh độ, không thấy được Pháp thân tịnh độ và Báo thân tịnh độ. Trong Hoá thân tịnh độ này, có hai loại chúng sinh là thai sinh và hóa sinh.

**\* Cõi thai sinh lại có hai loại:**

- **Cõi của người nghi ngờ:** Theo *kinh Vô Lượng Thọ*, người này sinh trong cung điện bảy báu ở biên thành của cõi Cực Lạc, trong năm trăm năm không được thấy Phật, gọi là thai sinh.

- **Cõi của người thật có cha mẹ:** Theo *kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni*, Phật A-di-đà cũng có cha mẹ. Kinh ghi: "Thành ấy tên là Thanh Thái, rộng mười ngàn do-tuần, trong đó có rất nhiều người thuộc dòng Sát-đế-lợi. Cha Ngài là Chuyển luân thánh vương Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên Nguyệt Minh, đệ tử thị giả tên Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên Lãm Quang, đệ tử thần túc tên Chủ Hóa, ma vương tên Vô Thắng, người giống như Đê-bà-đạt-đa thời Phật Thích-ca thì tên Tịch Tĩnh (Đó là những chúng sinh tự hóa sinh, không phải là người ngày nay niệm Phật được vãng sinh. Tức nơi chốn chỉ có một, mà thấy khác nhau).

**\* Cõi hóa sinh:** Theo các kinh luận, cõi này có ba loại: Cõi thuần Đại thừa, cõi thuần Tiểu thừa, và cõi Đại thừa xen lẫn Tiểu thừa.

- Cõi thuần Đại thừa: Chúng sinh sinh ở chỗ này chỉ học Đại thừa. Như trong chín phẩm vãng sinh, thì những người này thuộc ba phẩm bậc thượng. Cho nên luận **Vãng sinh** ghi: "Cõi của hàng thiện căn Đại thừa không có hạng người chê bai, nghi ngờ Phật pháp. Cõi này cũng không có người nữ, hàng Nhị thừa và kẻ khuyết tật".

- Cõi thuần Tiểu thừa: Hạng chúng sinh chỉ học Tiểu thừa thì sinh về đây. Nếu xét theo chín phẩm vãng sinh, thì những người này thuộc hai phẩm bậc trung. Do đó, luận **Đại Trí độ** ghi: "Có một cõi thanh tịnh vi diệu ở ngoài ba cõi, các A-la-hán sẽ sinh về đây".

- Cõi Đại thừa xen lẫn Tiểu thừa: Chúng sinh học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa thì sinh về đây. Nếu xét theo chín phẩm vãng sinh, những người này thuộc phẩm hạ bậc trung và ba phẩm bậc hạ. Như người sinh về phẩm hạ bậc trung, đó là người hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, làm việc nhân từ thế gian, gặp thiện tri thức giảng cho nghe 48 đại nguyện của Đức Phật A-di-đà, lại còn học pháp Đại thừa lẫn pháp Tiểu thừa, cho đến người dù đã chứng quả A-

la-hán, nhưng rồi lại hỏi tâm hướng về Đại thừa. Còn người sinh về ba phẩm bậc hạ là người cũng nhờ nghe 48 đại nguyện của Phật A-di-đà, hoặc nghe 12 thể loại kinh, hoặc niệm Phật A-di-đà mà sinh được về cõi ấy và đều phát tâm Bồ-đề.

Nói sơ lược thì có ba loại Tịnh độ, nhưng nếu phân biệt chi tiết thì chúng sinh khởi hạnh có nhiều trường hợp khác nhau, cho nên cõi nước thấy được khi vãng sinh cũng khác nhau. Nếu nói như thế, thì trong kinh luận xác định cõi Tây phương là Báo độ hay là Hóa độ, đều chẳng trở ngại. Lại nữa, chư Phật tu hành cảm được cả Báo và Hóa độ. Như **Nhiếp luận** ghi: "Bậc Gia hạnh vị cảm được Hóa thân, bậc chứng được Chính thể trí cảm được Báo thân". Song dù Báo thân hay Hóa thân, cũng đều nhằm mục đích thành tựu chúng sinh. Thế thì, độ chẳng dối lập, hạnh không luống tu, chỉ tin lời Phật, y theo kinh mà chuyên niệm Phật thì sẽ được vãng sinh, cũng chẳng cần hỏi Báo thân với Hóa thân làm gì!

- **Hỏi:** Có thể biết Pháp thân Tịnh độ, theo lí thì bao trùm khắp nơi, còn Báo độ và Hóa độ lẽ ra phải có ranh giới. Nhưng nói cõi Tây phương đã có đủ Báo độ và Hóa độ thì căn cứ vào văn kinh nào để chứng minh?

- **Đáp:** Báo độ và Hóa độ có thể có ranh giới hoặc không có ranh giới. Như **Thật báo độ**, ở trong Báo độ, không có ranh giới. Nghĩa là đức Như Lai tu hành trọn vẹn tám muôn hạnh, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ hai giáo, năm phần pháp thân sáng rõ, tướng quý soi tận từng giọt nước biển, vẻ đẹp chiếu sáng hết bụi núi non, ba minh sáng suốt, hai trí cùng soi, cũng giống như rông gằm mây cuộn, cạp rỗng gió nổi. Thế thì, đâu thể đem bấu vật để trang nghiêm cõi này, cũng không thể dùng ranh giới để hạn định cõi này được. Chỉ Phật mới thấy được vẻ đẹp của cõi này, Bồ-tát chưa ghé mắt đến được. Còn ở Sự dụng độ, dưới có trụ kim cương nâng đỡ, trên có đất lưu ly chiếu sáng, ngoài có lan can bằng bảy báu vây quanh, trong có ao chứa đầy nước tám công đức, châu báu mắc rùng cây xinh đẹp, lưới báu giăng trên cung điện nguy nga. Thân đã đủ muôn đức, độ cũng đầy vẻ đẹp; cõi như thế thì có ranh giới. Về Hóa độ, nương vào sức nguyện đại bi của chư Phật, cõi này bao trùm khắp



chúng sinh giới, tức là không có ranh giới. Còn căn cứ theo lí vì giáo hoá chúng sinh, nên thân luôn luôn thị hiện sinh, thường xuyên nhập Niết-bàn, thì cõi này có ranh giới.

Nghĩa "Cõi Tây phương là Báo độ" xuất xứ từ kinh **Đại thừa đồng tính**.  
Kinh ghi:

- Bồ-tát Trí Thông hỏi Đức Phật: "Báo thân của Như Lai như thế nào?".  
Đức Phật dạy: "Thân Ta ông đang thấy đây chính là Báo thân của Như Lai. Lại ở cõi nước thanh tịnh, có thân đã thành Chính giác, và có thân sẽ thành Chính giác, tất cả đều là Báo thân của Như Lai".

Kinh giải thích rằng thân thành Phật tại Tịnh độ mà gọi là Báo thân, thì đó chính là Thọ dụng thân, không phải Thật báo thân; nếu báo là Hóa thân thì đó là Hóa thân vi tế. Kinh ghi: "Thân Ta mà ông hiện đang thấy đây chính là Báo thân", nghĩa là ở trong Uế độ cũng thấy được Báo thân.

Kinh này lại ghi: "Thân thành Phật ở trong cõi năm trước có chính pháp, tượng pháp, mật pháp chính là Ứng hóa thân", tức kinh ấy nói thân thành Phật trong Uế độ đều là Hóa thân. Nhưng kinh còn ghi: "Thân ta mà ông hiện đang thấy đây chính là Báo thân", nghĩa là ở trong Uế độ cũng được thấy Báo thân. Do đó, có thể biết rằng hai cõi Uế và Tịnh đều có đủ hai thân Báo và Hóa.

Nói Tây phương là Hóa độ, như kinh **Quán Thế Âm thụ kí** ghi:

- Nay thiện nam tử, Phật A-di-đà có tuổi thọ vô lượng, nhưng trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng hết. Sau khi Phật nhập niết-bàn, chính pháp tồn tại ở đời lậu bằng tuổi thọ của Phật. Thiện nam tử, ngay khi chính pháp của Phật A-di-đà chấm dứt, vào lúc sắp sáng, ánh mặt trời vừa xuất hiện, Bồ-tát Quán Thế Âm thành bậc Đẳng chính giác dưới cội bồ-đề, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Cõi nước của Phật này tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, cõi này không có Thanh văn, Duyên giác. Sau khi Đức Phổ Quang Công Đức Như Lai nhập niết-bàn và chính pháp đã hoại diệt, Bồ-tát Đại Thế Chí liền thành Phật hiệu là Thiện Trụ Bảo Vương Như Lai. Cõi nước, ánh sáng, tuổi thọ, cho đến chính pháp của Phật này cũng giống như vậy.

Hơn nữa, kinh **Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni** ghi: "Phật A-di-đà có cha mẹ, con, các đệ tử giống như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đề-bà-đạt-đa, v.v..."

## I.2 THUỘC HAY KHÔNG THUỘC BA CỠI

### I.2.1 Thuộc ba cõi

- **Hỏi:** Báo độ thuần tịnh và vi diệu vượt xa ba cõi, nhưng chúng sinh được giáo hóa ở đây đều đã vượt khỏi Phần đoạn sinh tử. Về lí, cũng dễ tin rằng cõi này vượt ngoài ba cõi. Dù cõi này thanh tịnh, song sự thanh tịnh chưa vi diệu, vì chúng sinh được giáo hóa ở đây là những Bồ-tát Địa tiền. Thế thì cõi này thuộc ba cõi hay không thuộc ba cõi?

- **Đáp:** Nếu nhìn từ Phật thì cõi này vi diệu vượt ngoài ba cõi. Nếu nhìn từ chúng sinh thì cõi này có đủ hai nghĩa: thuộc ba cõi và không thuộc ba cõi. Trước hết, nói về trường hợp thuộc ba cõi, nếu hàng phàm phu và ba quả Thanh văn Hữu học được vãng sinh về đây, thì cõi này thuộc ba cõi, vì những chúng sinh này chưa ra khỏi ba cõi.

- **Hỏi:** Làm sao biết được nghĩa này?

- **Đáp:** Như **kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "A-nan bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, cõi này đã không có núi Tu-di, v.v... thì Tứ Thiên Vương và trời Đao-lợi trụ ở đâu?'. Phật đáp: 'Nương theo nghiệp mà trụ'. Vậy cõi này đã có người, lại có trời Tứ Thiên Vương, nên biết đó là cõi Dục. Kinh này lại ghi: "Đức Phật bảo ngài Di-lặc: 'Ông thấy tất cả những thứ trang nghiêm từ mặt đất lên đến cõi trời Tịnh Cư chăng?. Ngài Di-lặc đáp: "Con đã thấy!". Thế thì, nên biết Báo độ này có trong hai cõi Dục và Sắc, nhưng không nói gì đến cõi Vô Sắc.

- **Hỏi:** Tại sao không nói đến cõi Vô Sắc?

- **Đáp:** Vì ý kinh muốn khen ngợi diệu sắc của Tịnh độ, nhằm khuyên mọi người cầu vãng sinh về đó, cho nên không nói đến cõi Vô Sắc, nhưng theo thể thì cũng có.

- **Hỏi:** Thân này và cõi kia đều thuộc cõi Dục, sao Phật lại khuyên người cầu vãng sinh?

- **Đáp:** Tuy có cùng tên là cõi Dục, nhưng nghĩa khác nhau. Cõi Dục ở đây có hai đặc tính: Thượng tâm dục và Chung tử dục. Vì cõi Dục có đủ hai đặc tính này nên nam và nữ ở đây mê đắm nhau, khởi lòng tham chạy theo sắc và thanh, ưa thích ở nhà lửa trong ba cõi. Tây phương Dục giới chỉ có Chung tử dục, không có Thượng tâm dục. Đã không có Thượng tâm dục, thì không có những tội lỗi nói trên, cũng không có tâm ác và tâm vô ký, chỉ có tâm thiện. Do đó, phần **Thập bát viên tịnh** của **Nhiếp luận** ghi: "Tịnh độ chỉ có lạc thụ, không có khổ thụ và xả thụ". Như kinh Đại Pháp Cổ ghi: "Khổ thụ là bất thiện, lạc thụ là thiện, xả thụ là vô ký". Đã chỉ có tâm thiện, thì không có chỗ nào phát sinh việc ác. Do đó, kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Trong cõi nước Phật A-di-đà không có chỗ nào cho làm ác". Cho nên, tuy nói là Tây phương Dục giới, nhưng không giống cõi Dục; cõi Sắc cũng như thế.

- **Hỏi:** Tịnh độ rất màu nhiệm tuyệt vời, nên chúng sinh đều ưa thích. Đã muốn khuyên người vãng sinh, sao lại xác định nơi ấy thuộc ba cõi?

- **Đáp:** Đó là kinh nói, tức Phật dạy, chẳng phải người khác nói. Hơn nữa, nếu nơi ấy thuộc ba cõi thì chúng sinh chưa dứt sạch phiền não thuộc ba cõi mới được sinh về. Nếu nơi ấy ở ngoài ba cõi thì bậc thánh Hữu học và phàm phu chẳng có phần, vì không thể giúp cho chúng sinh trong ba cõi còn đầy phiền não được sinh vào Báo độ ở ngoài ba cõi. Do nơi ấy ở trong ba cõi nên dễ vãng sinh; nơi ấy lại không có Thượng tâm dục, nên chúng sinh ở đấy hoàn toàn không bị lui sụt.

- **Hỏi:** Tịnh độ ấy đã thuộc ba cõi thì lẽ ra phải có sự lui sụt, nhưng sao lại Bất thoái chuyển?

- **Đáp:** Ba cõi là tên gọi chung, chẳng phải là tên của một cõi. Như thế giới Diêu Hỷ ở đông phương cũng có châu Diêm-phù-đề, có trời Đao-lợi, có nam, có nữ, nhưng lại được gọi là Tịnh độ, thì đâu có ra ngoài ba cõi? Cõi ấy đã ở trong ba cõi, và có người nữ, nên cũng có cõi Dục, thế thì có thể cho là giống với cõi Dục Ta-bà được sao? Cõi ấy là Tịnh độ, cõi này là Uế độ. Nay xác định Tịnh độ ấy chỉ là Hóa thân tịnh độ, thì chúng sinh trong Hóa độ ấy đều ở trong ba cõi. Còn nếu Tịnh độ ấy là Báo thân tịnh độ, thì chúng sinh nơi ấy đều ở ngoài Hóa độ, tức là ở ngoài ba cõi. Sở dĩ như thế, bởi Tịnh độ có ba phẩm hơn kém nhau. Như thế giới Diêu Hỷ ở Đông phương là Tịnh độ hạ phẩm, vì có nam và nữ sống lẫn lộn. Thế giới Cực Lạc ở Tây phương là Tịnh độ trung phẩm, vì có cả người tu Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Thế giới Chúng Hương ở phương trên là Tịnh độ thượng phẩm, vì không có Nhị thừa. Ba phẩm Tịnh độ này đều ở trong cõi Dục, bởi vì có chỗ ở riêng của người và trời. Thế giới Diêu Hỷ có trời và người, như kinh Duy-ma cật ghi: "Từ cõi Diêm-phù-đề cho đến trời Đao-lợi". Thế giới Cực Lạc có trời và người, như **kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Phật bảo ngài Di-lặc: Ông có thấy những việc trang nghiêm từ mặt đất trở lên đến trời Ngũ Tịnh Cư chăng?". Thế giới Chúng Hương có người và trời, như kinh Duy-ma-cật ghi: "Khiến cho trời và người đều được thụ nhận giới luật mà tu hành". Những thế giới ấy đã có chỗ ở riêng của trời và người, thì đều ở trong cõi Dục. Nếu những thế giới ấy thuộc cõi Dục, dù có các tầng trời, thì tầng trời ấy phải ở trong cõi Dục. Nếu những thế giới ấy ở cõi Sắc, thì chỉ có trời mà không có người. Nếu những thế giới ấy ở ngoài ba cõi, thì người và trời không có nơi riêng biệt.

Giống như Tịnh độ có ba phẩm, Uế độ cũng có ba phẩm, như kinh ghi: "Từ đây đi về phía đông, có một thế giới tên là Tư-kha, đất đai ở đó có lẫn cát sỏi hình tam giác, mỗi năm có hai trận mưa, nước thấm ướt chưa quá năm tấc đất. Chúng sinh nơi ấy chỉ ăn cỏ, mặc vỏ cây, mong sống không được, cầu chết chẳng xong. Đó là Uế độ trung phẩm. Lại có một thế giới có các loài cạp, sói, thú dữ, cho đến rắn, rít đều bay được, gặp người liền ăn thịt, chẳng phân biệt là người tốt hay người xấu. Đó là Uế độ hạ phẩm. Thế giới Ta-bà thường có

chư Phật xuất hiện, có chúng sinh phát tâm Bồ-đề, từ đất sinh ra lương thực, con người có lễ nghĩa. Đó là Uế độ thượng phẩm. Tịnh độ tuy có ba phẩm, nhưng người vãng sinh về đó đều được Bất thoái chuyển, bởi bốn lí do:

- Do tuổi thọ lâu dài nên không thoái chuyển, như kinh ghi: "Ở Tịnh độ, chúng sinh có tuổi thọ đến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp". Chỉ cần tu hành trong ba a-tăng-kỳ kiếp thì được thành Phật, huống gì tuổi thọ đến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. Ở Uế độ, tuổi thọ ngắn, nên chúng sinh dễ bị thoái chuyển.

- Có chư Phật và Bồ-tát làm thiện tri thức nên không thoái chuyển, như kinh ghi: "Chúng sinh Tịnh độ được ở một nơi với các bậc thượng thiện nhân". Còn ở Uế độ, do chúng sinh gặp nhiều ác tri thức, nên bị thoái chuyển.

- Ở Tịnh độ không có người nữ, đối tượng của sáu căn đều là cảnh duyên giúp chúng sinh tiến đạo, cho nên chúng sinh nơi ấy không bị thoái chuyển, như **kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Mắt thấy sắc, liền phát tâm Bồ-đề, cho đến ý duyên với pháp, cũng liền phát tâm Bồ-đề". Ở Uế độ, do có người nữ, và đối tượng của sáu căn đều là cảnh duyên gây thoái đạo, cho nên chúng sinh nơi đây bị thoái chuyển.

- Ở Tịnh độ chỉ có tâm thiện, nên không thoái chuyển, như kinh ghi: "Ở Tịnh độ không có chỗ nào làm ác". Còn ở Uế độ, do có cả tâm ác và tâm vô ký, nên chúng sinh ở đây bị thoái chuyển.

### I.2.2. Không thuộc ba cõi

Nếu là Tịnh độ mà hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, hoặc A-la-hán, hoặc Bích-chi Phật sinh về, thì Tịnh độ này không thuộc ba cõi; bởi các vị ấy đã dứt sạch chính sử (*chính thể của phiền não hiện khởi, ngược lại phiền não tàn dư thì gọi là tập khí*), ắt sinh về một nơi ngoài ba cõi. Như **luận Đại Trí độ** ghi: "Có Tịnh độ thù thắng vượt ngoài ba cõi, các A-la-hán sẽ sinh về đây". Trong luận ghi "A-la-hán" chứ không nói đến bậc thánh Hữu học, thì biết bậc thánh Hữu học phải sinh trong ba cõi.

## CHƯƠNG II

### XÁC ĐỊNH NGƯỜI VĂNG SINH

- **Hỏi:** Tôi đã biết thể của Tịnh độ gồm cả Báo độ và Hóa độ, nhưng chưa biết người thuộc giai vị nào mới được vãng sinh?

- **Đáp:** Theo các kinh và luận, người tu hành, bất kỳ là nam hay nữ, thánh nhân hay phàm phu, cho đến người phạm tội thập ác và ngũ nghịch, lúc lâm chung chính niệm hiện tiền, tâm không loạn, đều được vãng sinh. Theo **Quán kinh**, chỉ trừ người phỉ báng Đại thừa không được vãng sinh; còn theo **kinh Vô Lượng Thọ**, lại trừ cả người phạm tội thập ác và ngũ nghịch.

- **Hỏi:** Hai kinh này đều do Phật thuyết, nhưng tại sao **kinh Vô Lượng Thọ** nói trừ hai hạng người, còn **Quán kinh** chỉ nói trừ một hạng?

- **Đáp:** Kinh trước ngăn, kinh sau khai, đó là cách thuyết pháp thông thường của chư Phật. **Kinh Vô Lượng Thọ** được giảng trước, nói kỹ về nhân duyên của tỳ-kheo Pháp Tạng và thuật về việc vãng sinh. **Quán kinh** giảng sau, chỉ luận về việc vãng sinh.

- **Hỏi:** **Kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Những chúng sinh vãng sinh Tịnh độ đều trụ ở Chính định trụ". **Kinh A-di-đà** lại ghi: "Này, Xá-lợi-phất! Những chúng sinh sinh về cõi nước Cực Lạc đều là hàng A-bê-bạt-trí". Căn cứ vào hai kinh này, từ hàng Thập trụ trở lên mới được vãng sinh, nhưng tại sao lại nói rằng cho đến người phạm tội thập ác và ngũ nghịch đều được vãng sinh?

- **Đáp:** Chính định và A-bê-bạt-trí đều là bất thoái. Bất thoái là nói chung, không giới hạn ở hàng Thập trụ, nay theo các kinh và luận giải thích thì có bốn loại: Một là, niệm bất thoái, từ bậc Bát địa trở lên; hai là, hành bất thoái, từ bậc Sơ địa trở lên; ba là, vị bất thoái, từ bậc Thập trụ trở lên; bốn

là, xứ bất thoái, những người ở Tây phương Tịnh độ. Do đó, kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Ở cõi nước ấy không có hạng là định và bất định". Trong 48 lời đại nguyện của Phật A-di-đà có ghi: "Nếu sau khi ta thành Phật, trời và người trong cõi nước của ta không trụ trong chính định tự cho đến lúc diệt độ, thì ta không giữ quả Chính giác". Bất thoái đã có đến bốn loại, lẽ nào ông chỉ nêu vị bất thoái, mà bỏ ba loại kia!

- **Hỏi:** Luận về Bất thoái, cần căn cứ vào giai vị tu hành, nhưng tại sao nương vào nơi chốn mà được Bất thoái?

- **Đáp.** Vị bất thoái là tâm không còn phiền não. Xứ bất thoái là bên ngoài không có cảnh duyên. Mỗi loại Bất thoái căn cứ vào một nghĩa, đâu có gì lạ!

- **Hỏi:** Ba loại bất thoái đều đều được các kinh và luận chứng minh, nhưng xứ bất thoái đã không có văn chứng minh, thì có thể tin được chăng?

- **Đáp:** Nay tôi dẫn **luận Tì-bà-sa** để chứng minh. Luận ấy nêu ra sáu chủng tính là thoái, tư, hộ, vị, thăng tiến, và bất động. Như người chủng tính thoái, dù có chứng được quả A-la-hán, cũng bị lui sụt, thậm chí còn sinh khởi phiền não của giai vị Tu đạo thuộc Tam giới, bởi vì họ có căn tính yếu kém. Người như thế tuy thuộc thể thoái căn, nhưng nếu gặp năm thoái duyên trong loài người ở Dục giới thì mới bị lui sụt. Nếu người này sinh trong sáu tầng trời Dục giới, hoặc Sắc giới, hoặc Vô Sắc giới, không có năm thoái sự, thì không bị lui sụt. Như vậy, do chỗ ở không có thoái sự nên vĩnh viễn không bị lui sụt. Năm thoái sự là bệnh lâu ngày, đi xa, tụng kinh, quản lý công việc, giải hòa sự tranh cãi. Năm việc này chỉ loài người mới có, chư thiên không có. Ba duyên tụng kinh, quản lý công việc và hoà giải sự tranh cãi tuy là việc thiện, nhưng khiến phải bỏ dở việc thực hành phép quán, cho nên khiến lui sụt. Căn cứ vào trường hợp ba duyên này, các duyên khác cũng giống như thế. Như tất cả phàm phu, tuy có niệm Phật, nhưng chưa đến giai vị Thập trụ, vẫn còn ở hàng Ngoại phàm, cho nên bản chất đều là người còn lui sụt. Người này nếu ở cõi Ta-bà như uest, do còn gặp năm thoái duyên, nên bị lui sụt. Nếu người này

sinh về Tây phương thì do không có năm thoái duyên nên không bị lui sụt. Năm thoái duyên là:

- 1) Yếu mạng và lảm bệnh.
- 2) Có người nữ và sáu trần nhiễm ô tâm.
- 3) Giao du với người làm ác, tức là gặp ác tri thức.
- 4) Có tâm bất thiện và tâm vô ký.
- 5) Thường không gặp Phật.

Ở Tịnh độ không có năm thoái duyên này, cho nên chúng sinh ở đây đều được Bất thoái.

Đây là dẫn lời Phật để chứng minh xứ bất thoái.

Thêm nữa, hai kinh đều ghi rằng người vãng sinh Tịnh độ đều được Bất thoái, chứ không ghi rằng người ở giai vị Bất thoái mới được vãng sinh. Do đó, **kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Người sinh về cõi ấy đều trụ trong Chính định tự". Tại sao? Vì cõi ấy không có hạng tà định và bất định. **Kinh A-di-đà** (Tiểu bản) ghi: "Chúng sinh sinh về Tịnh độ đều là bậc Bất thoái", chứ không ghi rằng bậc Bất thoái mới được vãng sinh; cũng như người ở cõi này có đủ ba thụ, nếu sinh về cõi kia thì không có khổ thụ và xả thọ, chỉ có lạc thụ.

- **Hỏi:** Như **Quán kinh** ghi: "Người Thượng phẩm thượng sinh sinh về cõi kia liền ngộ Vô sinh pháp nhãn". Nên biết đây chính là Bồ-tát Bát địa. Như thế, người hạ phẩm sinh phải ở bậc Thập trụ trở lên? Còn nếu là hàng Thập trụ trở xuống thì lẽ nào không những trái với kinh mà giai vị cũng quá cách biệt?

- **Đáp:** Không phải như thế. Vô sinh pháp nhãn cũng có bốn loại: Một là nhờ kinh giáo mà chứng được Vô sinh pháp nhãn, nghĩa là tất cả phàm phu và hàng Thập tín, do đọc kinh và luận Đại thừa mà ngộ được vô sinh, tức là bậc Văn tuệ.



Hai là nhờ phép quán mà chứng được Vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là bậc Thập trụ trở lên đến Thập Hồi hướng, do thực hành phép quán Tam vô tính mà ngộ lý vô sinh của muôn pháp, tức là bậc Tư tuệ.

Ba là do chứng lý mà ngộ được Vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là bậc Bồ-tát Sơ địa trở lên, do chứng ngộ nhị không chân như trùm khắp pháp giới, tức là bậc Tu tuệ. Bốn là nương vào giai vị mà chứng được Vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là Bồ-tát Bát địa trở lên, do chứng được lý chân đế và tục đế đồng thời hiện hành, tức là chứng được trí Vô công dụng, tức là bậc Tu tuệ.

Vô sinh pháp nhẫn đã là tên chung của bốn loại, lẽ nào chỉ căn cứ vào một loại mà đề cao cả ba loại còn lại? Như pháp sư Tuệ Viễn cho rằng bậc Thượng phẩm thượng sinh là Bồ-tát từ Tứ địa đến Bát địa, còn **luận Nhiếp Đại thừa** lại cho rằng bậc đó là Bồ-tát Tứ địa. Những Bồ-tát ấy tùy theo nhân duyên mà chịu biến dịch sinh tử, trong khi Tây phương là cõi còn chịu phần đoạn sinh tử; thế thì đâu thế khiến Bồ-tát có Thân biến dịch trở lại mang Thân phần đoạn? Do đó, **kinh Quán Thế Âm thụ ký** ghi: "Phật A-di-đà có tuổi thọ lớn . vô lượng, cuối cùng sẽ nhập niết-bàn". Nên biết rằng chúng sinh ở đó tuy tuổi thọ cũng lớn vô lượng, song cuối cùng phải chết, vì **kinh A-di-đà** (Tiểu bản) ghi: "Chúng sinh ở Tịnh độ cũng được gọi là A-di-đà". Căn cứ vào đoạn nói về người vãng sinh cứu phẩm trong **Quán kinh**, các bậc đại đức từ xưa như pháp sư Tuệ Viễn, v.v... xét quả mà phán định, thì cho rằng người vãng sinh Thượng phẩm có giai vị quá cao. Nay căn cứ vào nhân tu mà phán định, thì giai vị của người vãng sinh Thượng phẩm khá thấp, như người phát ba tâm liền được vãng sinh Thượng phẩm thượng sinh. Ba tâm ấy là Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm. Ba tâm này, theo **luận Khởi tín** chính là ba tâm đầu tiên của Thập trụ; luận này ghi: "Tín thành tựu phát tâm là tâm cuối cùng của Thập tín, lúc này phải phát ba thứ tâm mới vào được giai vị Thập trụ". Ba tâm ấy là:

1) **Trực tâm**: Tâm chính niệm về pháp chân như, tức là Chí thành tâm trong **Quán kinh**. Chí thành tâm và Trực tâm có nghĩa như nhau, nhưng khác tên. **Kinh Duy-ma-cật** nói: "Khởi đầu của hai hạnh thuộc Tịnh độ đạo tràng đều có ba tâm", ý này giống với **Quán kinh**.

Xét các kinh luận, đều thấy chỉ nói bước đầu tiên của tất cả các hạnh đều phải phát ba tâm ấy. Vậy, nên biết, ba tâm ấy là khởi đầu của muôn hạnh. Ba tâm ấy đã là khởi đầu của muôn hạnh, thì lẽ nào người được sinh về Thượng phẩm kia liền chứng được Vô sinh, cho đến Bát địa?

2) **Thâm tâm:** *Quán kinh* cũng gọi tâm này là Thâm tâm.

3) **Đại bi tâm:** *Quán kinh* gọi tâm này là Hồi hướng phát nguyện tâm. Nếu không có tâm Đại bi thì không thể phát nguyện hồi hướng, do đó, đây là hai từ đồng nghĩa.

Ba tâm trong *luận Khởi tín* đã phát khởi tại giai vị cuối cùng của hàng Thập tín, thế thì, rõ ràng người Thượng phẩm thượng sinh ghi trong *Quán kinh* chính là hàng Sơ tâm của Thập trụ. Kinh nói ngộ được Vô sinh pháp nhãn, đây là do hành quán mà ngộ được Vô sinh pháp nhãn. Còn pháp sư Tuệ Viễn cho rằng Bồ-tát Tứ địa là người được Thượng phẩm thượng sinh, thì lẽ nào được đến địa này rồi, không cần trải qua thời gian mà liền ngộ được Vô sinh pháp nhãn? Vì Bồ-tát từ Tứ địa tiến đến Bát địa còn phải trải qua nửa a-tăng-kỳ kiếp.

Người Thượng phẩm trung sinh ở bậc sơ tâm của Thập tín. Kinh ghi: "Người được Thượng phẩm trung sinh là nhờ tin sâu nhân quả và không phi báng pháp Đại thừa". Bởi nếu người ấy chưa đến bậc Thập tín, thì phải thuộc hạng Tà định tụ, tức là người không tin nhân quả và phi báng pháp Đại thừa. Hơn nữa, giai vị Thập tín có mười tâm, tâm đầu tiên là Tín tâm.

Kinh nói sinh về cõi ấy trải qua một tiểu kiếp thì ngộ được Vô sinh pháp nhãn, đây là nhờ hiểu lý mà ngộ được Vô sinh pháp nhãn. Bởi vì ngày tháng ở cõi ấy dài, nên kinh ghi: "Một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc bằng một một kiếp ở thế giới Ta-bà". Nếu người được Thượng phẩm trung sinh đúng là Bồ-tát Sơ địa như pháp sư Tuệ Viễn nói, tại sao người ấy trải qua một kiếp ở đó liền đạt được quả Bát địa? Bởi vì từ Sơ địa đến Bát địa phải trải qua một đại a-tăng-kỳ kiếp.

Người Thượng phẩm hạ sinh là tất cả phàm phu hướng thiện trước Thập tín, qui y Tam bảo và thụ giới Bồ-tát. Kinh ghi: "Người Thượng phẩm hạ

sinh cũng tin nhân quả, không phỉ báng Đại thừa, lại phát tâm Vô thượng đạo" nghĩa là mới phát tâm Bồ-đề ở giai vị Thập tín, được vào giai vị Bất định. Người ấy sinh về cõi kia, trải qua ba tiểu kiếp thì được vào Sơ địa, nghĩa là thường lấy kiếp ở cõi kia mà tính, chứ không tính theo kiếp ở cõi này. Như một kiếp ở thế giới Ta-bà bằng một ngày một đêm ở cõi An Lạc. Người Thượng phẩm hạ sinh đã trải qua ba tiểu kiếp, theo lý, được lên Sơ địa. Nếu người ấy đúng là hàng Thập trụ như pháp sư Tuệ Viễn nói, thì tại sao trải qua ba tiểu kiếp liền đến được Sơ địa? Bởi vì từ Thập trụ cho đến Sơ địa là a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất.

Ba phẩm nói trên đều là hàng Đại thừa, còn người ở ba bậc Trung phẩm phần nhiều là hàng Tiểu thừa. Người Trung phẩm thượng sinh là bốn phương tiện sau trong giai vị Thất phương tiện của Tiểu thừa, là ở Noãn, Đảnh, Nhẫn, và Thế đệ nhất pháp. Kinh ghi: "Người Trung phẩm thượng sinh là người thụ trì năm giới, cho đến không tạo tội ác". Người ấy nhờ được Tứ đạt phân và Vị lai thiên, hàng phục được phiền não của cõi Dục, cho nên không khởi các phiền não phá giới và ác nghiệp, bởi vì các phiền não phá giới và ác nghiệp chỉ có ở cõi Dục. Người Trung phẩm thượng sinh sinh về cõi ấy liền chứng quả A-la-hán, nghĩa là vừa sinh về liền được bốn quả sa-môn, tức là người nhập niết-bàn trong đời hiện tại. Như pháp sư Tuệ Viễn phán định, đó là bậc thánh Hữu học thuộc ba quả Tu-đà-hoàn, v.v... Hàng Tiểu thừa đắc quả tuy không có thời gian cố định, nhưng rất cuộc lại phán định giai vị quá cao.

Người Trung phẩm trung sinh ở hàng Ngũ đình tâm quán trở lên, tức là thuộc ba phương tiện đầu của bảy phương tiện Tiểu thừa là Ngũ đình tâm quán, Tổng tướng niệm xứ, Biệt tướng niệm xứ. Kinh ghi: "Người Trung phẩm trung sinh là người một ngày một đêm giữ tám trai giới, cho đến một ngày một đêm giữ giới Cụ túc, oai nghi đầy đủ". Bởi vì người ấy ở giai vị tán tâm, chưa được định, cho nên không có cách đối trị được phiền não phá giới, không thể giữ giới được lâu. Người ấy ít nhất, phải giữ đầy đủ oai nghi trong một ngày một đêm, sau đó dù có phạm giới nhỏ, cũng được vãng sinh. Người ấy sinh về cõi kia, trải qua nửa kiếp thì chứng quả A-la-hán. Đây cũng là người nhập niết-bàn trong đời hiện tại, bởi vì người ấy có tuổi thọ cao. Như pháp sư Tuệ Viễn giải thích, đó là hàng Tứ gia hạnh vị như Noãn. v.v...; người ở giai vị

thứ tư trong Tứ gia hạnh vị này chứng được Vị lai thiên, hàng phục được phiền não thuộc cõi Dục. Tại sao kinh ghi người ấy trì giới không phạm chỉ được một ngày một đêm? Như vậy, ở đây pháp sư Tuệ Viễn cũng phán định quá cao.

Người Trung phẩm hạ sinh là tất cả phàm phu ở trước giai vị Ngũ đình tâm quán của Tiểu thừa, thụ năm giới trở lên. Kinh ghi: "Đó là người hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành hạnh nhân từ thế gian". Người ấy đã chưa thực hành phép quán của hàng nhập đạo, song thực hành được hạnh nhân từ của thế gian; ngoài ra, đều như trên đã nói. Còn pháp sư Tuệ Viễn phán định, thì người ở ba giai vị từ Ngũ đình tâm quán đến Tổng tướng niệm xứ, hoặc được Văn tuệ, hoặc được Tư tuệ, hoặc Tu tuệ, ở đây lại nói chỉ thực hành hạnh nhân từ của thế gian, và hiếu dưỡng cha mẹ thì được vãng sinh? Như thế, pháp sư Tuệ Viễn cũng đã phán định quá cao.

Nếu luận về ba bậc Hạ phẩm, nói chung đó là tất cả phàm phu làm ác, tạo tội Thập ác và Ngũ nghịch, cho đến dùng vật của thường trụ tăng mà không biết xấu hổ, dù thụ giới, nhưng vừa thụ xong, họ liền phá giới. Những người như thế, khi lâm chung nếu gặp thiện tri thức chỉ dạy, phát tâm Bồ-đề cực mạnh, giữ chính niệm tương tục hiện tiền, liền được vãng sinh. Nếu không gặp thiện tri thức, không thể phát tâm Bồ-đề cực mạnh, chắc chắn đọa vào địa ngục. Do đó, **Quán kinh** ghi: "Người ấy phải đọa địa ngục trong nhiều kiếp chịu khổ vô cùng". Nhưng lúc báo nghiệp của chúng sinh hết, oan gia, ác nghiệp và các thứ khổ đua nhau kéo đến, nên rất khó thành tựu mười niệm xưng danh hiệu Phật A-di-đà; nếu thành tựu được, chắc chắn được vãng sinh Tịnh độ. Hơn nữa, hai đường thiện và ác biến chuyển nhanh như trở bàn tay, giữa thì được vãng sinh, sắp thì vào địa ngục. Trong lúc ấy, chỉ cần sức của thiện tri thức, người phá giới thì tâm liền sinh hổ thẹn, sám hối theo kinh Đại thừa, liền diệt được tội, chuyên tâm niệm Phật, và thực hành phép quán, thì đều sinh vào hai bậc trên của Hạ phẩm, chứ không sinh vào bậc hạ của Hạ phẩm. Theo pháp sư Tuệ Viễn nói, đó là hàng phàm phu thường tục.

- **Hỏi:** Phàm và thánh cùng được vào cõi Tịnh. Nhưng đối tượng chính là dành cho ai?

- **Đáp:** Xét đoạn bà Vi-đề-hi thưa hỏi và Như Lai đáp, thì Phật giảng Tịnh độ mục đích dành cho tất cả phàm phu đời vị lai bị giặc phiền não làm hại, khuyên họ vãng sinh, chứ không nói Bồ-tát. Nếu là Bồ-tát thì vị đó đã phát tâm, nguyện sinh vào đường ác, không nguyện sinh Tịnh độ. Như Bồ-tát Thập trụ trở lên, thường giữ hoặc (phiền não nghiệp chướng) mà thụ sinh, nguyện sinh vào đường ác để cứu chúng sinh đau khổ, mà không nguyện sinh Tịnh độ. Văn nói về giữ hoặc, như *kinh Duy-ma-cật* ghi: "Đó là Bồ-tát có bệnh, không có chỗ thụ mà thụ các thụ, chưa thông đạt Phật pháp, cũng không diệt thụ mà thủ chứng". Đó là văn nói về Bồ-tát giữ hoặc mà thụ sinh.

Ngoài ra, *luận Địa trì* và *luận Nhiếp Đại thừa* đều có nói về việc giữ hoặc mà thụ sinh. Tóm lại, bậc thánh Tam thừa và hàng Thất phương tiện Tam thừa, cho đến hàng trước Phương tiện đạo, dù nam hay nữ, không căn, hai căn, cho đến tám bộ qui và rồng, nhưng phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, chán cõi nhơ xấu, ưa thích Tịnh độ, lúc lâm chung giữ chính niệm hiện tiền, đều được vãng sinh. Nếu là người tinh tiến mạnh mẽ, quán hạnh rõ ràng, tâm cuối cùng lúc lâm chung không loạn, đều được vãng sinh. Cho đến người lúc lâm chung giữ được mười niệm cuối cùng tương tục hiện tiền, đều được vãng sinh. Trong đó, Bồ-tát vãng sinh có chín phẩm ba bậc. Hàng Nhị thừa vãng sinh có ba bậc thượng, trung và hạ. Phàm phu vãng sinh cũng có ba bậc thượng, trung, hạ. Các bậc đều có chín phẩm, nhưng trong kinh không thể phân biệt chi tiết, nên luận chung hàng phàm phu Tiểu thừa và Đại thừa có chín phẩm, song thực ra có vô lượng phẩm khác nhau. Xem kỹ 48 đại nguyện của Phật A-di-đà và Quán kinh, chủ ý nói phàm phu là người vãng sinh chính, bậc thánh là người vãng sinh phụ. Vì phàm phu đọa vào đường ác, nên ở trong Uế độ không thể tu đạo và phát tâm được. Chỉ những phàm phu phỉ báng Đại thừa không được vãng sinh, vì họ đã đoạn thiện căn. Bậc thánh Nhị thừa Hữu học ngu pháp không vãng sinh được, vì không tin mười phương Tịnh độ. Bồ-tát không phát nguyện cầu vãng sinh cũng không được vãng sinh, vì không có tâm ưa thích Tịnh độ. Nếu bậc thánh Nhị thừa Vô học, không kể là ngu pháp hay không ngu pháp, cầu hay không cầu vãng sinh, đều được vãng sinh, vì họ không thụ sinh trong các Uế độ thuộc ba cõi. *Luận Trí độ* ghi: "Có Tịnh độ vi diệu vượt ngoài ba cõi, các A-la-hán sẽ sinh trong đó", mà không nói đến thánh Hữu học.

## CHƯƠNG II

### XÁC ĐỊNH NHÂN VÃNG SINH

- **Hỏi:** Đã biết phàm và thánh đều được vãng sinh, nhưng chưa biết những người này tu hạnh nghiệp gì mà được vãng sinh?

- **Đáp:** Xin trình bày theo hai phần: Một, dẫn kinh luận để trình bày đầy đủ các nhân ấy; hai, bỏ bớt lời lẽ rườm rà để trình bày gọn về các nhân.

#### III.1 DẪN KINH LUẬN

**Kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Có ba bậc người sinh về cõi nước ấy. Bậc sinh Thượng phẩm có ba nhân là: phát tâm Bồ-đề, xuất gia, và chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Đồng thời, người ấy phải tu thêm các phước nghiệp khác, hồi hướng và phát nguyện thì được vãng sinh". Như thế, xét ra, kinh này có ý nói ba bậc sinh Thượng phẩm chỉ là người xuất gia.

Người sinh Trung phẩm cũng có ba nhân là phát tâm Bồ-đề, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật và giữ gìn trai giới. Đồng thời, người ấy còn phải dựng chùa, tạo tượng, cúng dường thức ăn uống cho tăng chúng, đốt hương, rải hoa, thắp đèn, treo phan cúng dường chư Phật và các việc khác như ở trên đã nói. Như vậy, người này chỉ là người tại gia. Kinh ghi: "Tuy không xuất gia để tu hành làm sa-môn,...".

Người sinh Hạ phẩm cũng có ba nhân là phát tâm Bồ-đề, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật, dù chỉ mười niệm, nghe giáo nghĩa sâu xa, tin ưa mà không nghi ngờ". Theo ý **kinh Vô Lượng Thọ**, phẩm này chung cho cả người xuất gia và tại gia.

**Kinh Vô Lượng Thọ thanh tịnh bình đẳng giác** ghi:

- Có ba hạng người được sinh về cõi báu Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng. Người bậc thượng là người bỏ vợ con, đoạn ái dục, làm sa-môn, không quan hệ với người nữ, thực hành sáu Ba-la-mật, giữ trai giới thanh tịnh, dốc lòng

tu không gián đoạn, trong mộng thấy Phật thì được vãng sinh. Người bậc trung là người trì kinh, thụ giới, cúng dường thức ăn uống cho sa-môn, tu tập tâm từ, không sân hận, treo phan và dâng hoa cúng dường, trong một ngày một đêm không gián đoạn, thì vãng sinh cõi ấy. Người bậc hạ là người đang đoạn ái dục, tu tập tâm từ, không sân hận, giữ gìn trai giới thanh tịnh, nhất tâm niệm Phật trong mười ngày mười đêm không gián đoạn, thì được vãng sinh.

**Kinh A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương ghi:**

- Nếu có người thụ trì danh hiệu Phật A-di-đà với tâm bền chặt, luôn nhớ nghĩ không quên, mười ngày mười đêm không tán loạn, siêng năng tu tập niệm Phật tam muội, biết được đức Như Lai kia thường trụ ở thế giới An Lạc, liên tục nhớ tưởng Ngài, không gián đoạn, thụ trì đọc tụng kinh Cổ Âm Thanh Vương này suốt ngày đêm, sáu thời chuyên tâm tu tập, nắm vốc gieo sát đất kinh lễ Đức Phật kia, niệm niệm không dứt, trong vòng mười ngày chắc chắn thấy được Đức Phật kia; chỉ trừ người bị tội chướng nặng.

**Quán kinh** ghi: "Một là, phải tu ba phúc nghiệp thanh tịnh; hai là, phải thực hiện 16 phép quán..." . Đây là nhân hạnh được nói trong **Quán kinh**, vì quá rộng, không thể dẫn đầy đủ ở đây, nên chỉ nêu tổng quát thôi.

**Kinh A-di-đà (Tiểu bản) ghi:**

Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe nói đến Phật A-di-đà, liền ghi nhớ danh hiệu Ngài, hoặc một ngày, cho đến bảy ngày, niệm Phật A-di-đà, nhất tâm không loạn, thì người ấy lúc lâm chung, Phật A-di-đà và thánh chúng hiện ở trước mặt người ấy. Khi người ấy qua đời, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh.

**Kinh Đại Tập** ghi: "Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

- Tại sao gọi là Hiền tiên tam-muội? Nếu có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di giữ giới thanh tịnh, ở một mình chỗ vắng vẻ, tùy phương diện mà được nghe nói về Đức Phật A-di-đà ở Tây phương. Nghe rồi, người ấy nghĩ như vậy: "Như ta nghe Phật A-di-đà hiện đang ở Tây phương, thuyết pháp cho các Bồ-tát". Người ấy y theo những điều được nghe, buộc niệm tư

duy, quán sát không ngừng, một cách rõ ràng, cuối cùng được thấy Đức Phật kia. Ví dụ như một người nam hoặc nữ, ở trong mộng thấy các việc, nào là vàng, bạc, đồ quý báu, v.v...; những cảnh người ấy thấy trong mộng, có khi nghịch, có khi thuận, hoặc vui, hoặc buồn. Khi tỉnh dậy rồi, kể lại đầy đủ cho người khác nghe, nhớ lại cảnh buồn vui trong mộng, người ấy liền thấy buồn vui theo. Cũng như thế, Hiền Hộ Người thiện nam, thiện nữ kia nghĩ tưởng đến Phật A-di-đà kia tướng hảo như vậy, oai nghi như vậy, Thánh chúng như vậy, thuyết pháp như vậy,... Nhờ buộc niệm tư duy, hoặc một ngày, hoặc một đêm, nhớ đầy đủ, nên người ấy chắc chắn thấy được Phật A-di-đà. Nếu ban ngày không thấy được, thì trong giấc ngủ ban đêm chắc chắn người ấy sẽ thấy Phật A-di-đà hiện đến.

**Luận Vãng sinh** ghi: "Tu tập năm niệm môn thì sẽ được vãng sinh. Năm niệm môn là lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát, và hồi hướng".

**Luận Đại thừa khởi tín** ghi:

- Hơn nữa, chúng sinh lúc mới học pháp này, tâm yếu đuối, lo sợ khó thành tựu được tín tâm, ý muốn lui sụt. Đức Như Lai có phương tiện ưu việt giữ gìn tín tâm cho người tu hành. Đó là dùng nhân duyên tín tâm niệm Phật, tùy nguyện được vãng sinh cõi Phật kia. Kinh ghi: "Nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở Tây phương, hồi hướng thiện căn đã tạo, nguyện cầu sinh về thế giới kia, liền được vãng sinh".

**Luận Đại thừa Thập trụ Ti-bà-sa**, do Bồ-tát Long Thụ soạn, dạy người lễ lạy và xưng tán Phật A-di-đà thì được vãng sinh.



## III.2 NÓI GỌN VỀ NHÂN VẮNG SINH

- **Hỏi:** Văn của những kinh luận dẫn ra như trên có nội dung quá rộng, khó tham cứu. Nay xin ngài nói vắn tắt những điều chính yếu về nhân vãng sinh để các hành giả dễ tu học.

- **Đáp:** Đúng thế! Những kinh luận được dẫn ra như trên đều là giáo nghĩa đối cơ mà lập, nên khó tham cứu. Nay, để đơn giản, tôi bỏ bớt văn từ rườm rà, chỉ trình bày gọn về nhân vãng sinh. Có hai loại nhân là nhân chung và nhân riêng.

### III.2.1. Nhân chung

Như trong *kinh Vô Lượng Thọ*, ba bậc người vãng sinh đều phải phát tâm Bồ-đề, trong Quán kinh nói người ấy còn phải tu đủ ba phúc nghiệp thanh tịnh thì mới được vãng sinh. Những nhân như thế đều là nhân chung. Nhân chung có hai loại là cảm ứng chung cho mười phương Tịnh độ, và cảm ứng chung cho ba đời Tịnh độ. Do đó *Quán kinh* ghi: “Ba loại phúc nghiệp này là chính nhân Tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai”.

**III.2.2. Nhân riêng thì có vô số, nhưng quan trọng chỉ có hai, là sớ cầu và năng cầu.**

**III.2.2.1. Sớ cầu:** Cũng có hai: một là nêu riêng một phương để chuyên hướng tâm về. Như nêu riêng thế giới Cực Lạc ở Tây phương để cầu vãng sinh về đó, tức là nêu khí thế gian thanh tịnh. Hai là, niệm riêng một Đức Phật, tôn Ngài là thầy, mình xin làm đệ tử, gần gũi thờ phụng, cúng dường, tức là chúng sinh thế gian thanh tịnh.

**III.2.2.2. Năng cầu:** Có sáu pháp: niệm riêng danh hiệu Phật A-di-đà, lễ lạy, ca ngợi, phát nguyện, quán sát, hồi hướng.

**1) Niệm Phật:** Có hai cách là tâm niệm và miệng niệm.

**a. Tâm niệm:** Có hai cách:

- Niệm sắc thân Phật: Nghĩa là niệm sắc thân Phật A-di-đà có 84.000 tướng quý, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có 84.000 tia sáng.

- Niệm tri thân Phật: Nghĩa là niệm Phật A-di-đà có năm phần pháp thân, đại từ, đại bi, mười lực, bốn vô úy, v.v...

**b. Miệng niệm:** Nếu tâm yếu thì phải nhờ miệng giúp, dùng miệng dẫn tâm, khiến cho tâm không tán loạn. Như kinh ghi: "Nếu người niệm Phật A-di-đà được trăm vạn biến trở lên, chắc chắn được vãng sinh thế giới Cực Lạc". Từ kinh này, thiền sư Đạo Xước nghiệm ra được rằng nếu có thể chuyên tâm niệm Phật trong bảy ngày thì niệm được một trăm vạn biến. Vì thế, đa số các kinh đều nói niệm Phật bảy ngày thì được vãng sinh.

**2) Lễ lạy:** Hành giả phải quay mặt về hướng tây, quán tưởng Phật A-di-đà như ở trước mắt mình, cung kính dâng hương hoa, miệng xưng niệm danh hiệu Phật, năm vóc sát đất, dập đầu ba lần, nguyện sinh về cõi kia. Nên tụng bài **Thập nhị lễ** của ngài Long Thọ do Tam tạng Thiên-na dịch sang chữ Hán, ở đây xin dịch ra tiếng Việt:

*Đảnh lễ Phật A-di-đà,*

*Bậc Đại Tiên, Lương Túc Tôn*

*Được trời và người cung kính,*

*Ở nước An Lạc vi diệu,*

*Vô lượng đệ tử vây quanh.*

**3) Ca ngợi:** Hành giả nên ca ngợi riêng Phật A-di-đà, hoặc thân, hoặc tâm, hoặc y báo, hoặc chính báo của Ngài. Đứng hoặc ngồi nhìn thẳng hướng tây, quán tưởng như Phật A-di-đà và cảnh Tây phương ở trước mắt, tâm ca ngợi, nguyện sinh về Tịnh độ ấy. Nên tụng bài kệ của Bồ-tát Long Thọ ở trong **luận Đại thừa Thập trụ Tỳ-bà-sa** và bài văn tán trong **luận Vãng sinh**.

**4) Phát nguyện:** Hành giả phải phát nguyện chỉ cầu vãng sinh cõi Cực Lạc. Có thể nguyện chính mình vãng sinh, hoặc nguyện cùng với chúng sinh vãng sinh, hoặc nguyện Phật Thích-ca đưa tiễn, hoặc nguyện Phật A-di-đà đến đón, hoặc nguyện thường dạo chơi Tịnh độ, hoặc nguyện mãi mãi lìa bỏ thân thai sinh, hoặc nguyện lâm chung được an ổn, hoặc nguyện được chính niệm hiện tiền. Những nguyện như thế đều phát khởi tùy tâm, như **luận Bảo tính** ghi:

*Nương những công đức này,*

*Nguyện lúc con qua đời,*

*Được thấy Phật A-di-đà,*

*Thân vô biên công đức.*

*Con và người tín tâm,*

*Được thấy Phật ấy rồi,*

*Nguyện được Ly cấu nhĩn,*

*Chúng Vô thượng bồ-đề.*

**5) Quán sát:** Hành giả nên quán tưởng các việc thuộc y báo và chính báo của cõi Tây phương. Như trong 16 phép quán của **Quán kinh**, 7 phép quán đầu là quán y báo, 9 phép quán sau là quán chính báo. Lại, như trong **luận Vãng sinh**, y báo có 17 việc trang nghiêm; trong chính báo, Phật có 8 việc trang nghiêm, Bồ-tát cũng có 4 việc trang nghiêm. Đối với những thứ ấy, thực hiện quán sát mỗi một cảnh, thành tựu được bất kỳ một phép quán nào, cũng chắc chắn được vãng sinh.

**6) Hồi hướng:** Có hai điều, một là, đem công đức của mình hồi hướng cho chúng sinh cùng được sinh về Tịnh độ; hai là, đem tất cả công đức của mình từ vô thủy đến nay, và tất cả công đức trong đời này, dù nhiều hay ít, dù là phúc hay trí, nguyện hồi hướng, để cầu sinh về Cực Lạc.

- **Hỏi:** Hai loại nhân chung và riêng vừa nói như trên rất khó tu tập được đầy đủ. Hàng phàm phu trí cạn sức yếu, sợ rằng nghĩ mình chẳng có phần. Nay chỉ xin ngài nêu lên những điều cốt lõi.

- **Đáp:** Hai thứ nhân chung và riêng tôi vừa trình bày ở trên, có đủ ở người thượng căn. Còn người trung căn và hạ căn chỉ cần có năm việc:

1) Phải sám hối những nghiệp ác làm chướng đạo từ vô thủy đến nay, vì sợ chúng gây trở ngại cho hạnh Tịnh độ, như những việc được nói trong ***kinh Phương đẳng***, và ***kinh Phật danh***.

2) Phải phát tâm bồ-đề, nếu không phát tâm bồ-đề thì chỉ là tự tránh khổ mà tìm vui, e rằng sẽ không được vãng sinh. Tâm bồ-đề, nói vắn tắt, có ba thứ: Một là, tâm đoạn trừ tất cả điều ác; hai là, tâm tu tập tất cả việc lành; ba là, tâm hóa độ tất cả chúng sinh.

3) Phải chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, tức phải lập riêng một đạo tràng, đốt hương, rải hoa, treo phan, thắp đèn,... Thỉnh một pho tượng đức Phật A-di-đà, tôn trí trong đạo tràng. Mặt tượng nhìn về phía đông, người tu nhìn về phía tây, hướng đến tượng. Có thể tu bảy ngày (theo ***kinh A-di-đà***), hoặc mười ngày (theo ***kinh Cổ Âm Thanh Vương*** và ***kinh Thanh tịnh bình đẳng giác***), giảm bớt ngủ nghỉ, dẹp bỏ tán loạn. Chỉ trừ lúc đi đại, tiểu tiện và ăn uống, thời gian còn lại phải chuyên tâm niệm Phật. Nếu buồn ngủ thì đứng dậy niệm. Không cần phải lễ lạy hoặc nhiễu quanh Phật, nhưng chỉ cần niệm Phật cho đủ bảy ngày. Sau đó, ra khỏi đạo tràng, song vẫn niệm Phật trong mọi lúc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc rảnh rỗi.

Thường xuyên niệm danh hiệu Phật có ba điều lợi ích: Một là, do thường niệm nên các ý nghĩ xấu hoàn toàn không sinh, lại còn tiêu trừ được nghiệp chướng; hai là, do thường niệm nên căn lành phát triển, lại còn gieo trồng được nhân duyên thấy Phật; ba là, do thường niệm nên huân tập được sự bén nhạy và thành thực, đến lúc lâm chung sẽ được chính niệm hiện tiền.

4) Phải quán tưởng toàn cảnh (***tổng tướng***) thế giới Cực Lạc: Đất như vậy, ao như vậy, lầu gác như vậy, rừng cây như vậy; Phật A-di-đà ngồi trên tòa hoa sen như vậy, tướng hảo như vậy, đệ tử như vậy, thuyết pháp như vậy.

Thực hiện phép quán toàn cảnh như vậy, chắc chắn được vãng sinh, bởi vì ba cõi chỉ do tâm biến hiện.

5) Công đức tạo được, dù trong đời quá khứ hay hiện tại, đều phải phát nguyện hồi hướng để cầu sinh về nước An Lạc.

Nếu tu tập đầy đủ năm hạnh kể trên, chắc chắn được vãng sinh. Mong các vị chớ nghi! Như **kinh Pháp hoa** ghi: "Nay ta bảo đảm với các ông việc này hoàn toàn không giả dối". Thì tôi cũng như vậy, thề bảo đảm việc này hoàn toàn không giả dối.

- **Hỏi:** Như **luận Vãng sinh** ghi: "Người nữ, hàng Nhị thừa và kẻ khuyết tật không vãng sinh được". Tại sao nay lại nói người nữ,... cũng được vãng sinh?

- **Đáp:** Đúng vậy! Ba hạng người ấy, theo lý, không được vãng sinh. Nếu không phải ba loại ấy thì chắc chắn được vãng sinh. Ba loại ấy là gì? Đó là:

**1) Người nữ:** Nếu người nam hoặc người nữ ở cõi này gieo trồng nhân người nữ, chắc chắn sẽ được báo thân nữ. Dù người ấy tu hạnh Tịnh độ, cũng không được vãng sinh. Vì ở Tịnh độ không có người nữ. Đây là định nghiệp, không thể thay đổi được, tức là nghiệp chướng.

**2) Kẻ khuyết tật:** Nếu người ở cõi này đã trồng nhân đui, điếc, v.v... cũng không được vãng sinh. Vì ở Tịnh độ, người nào cũng có 32 tướng đại trượng phu. Đây cũng là nghiệp chướng.

**3) Hàng Nhị thừa:** Nếu là bậc Thánh Nhị thừa và hàng Phương tiện đạo Nhị thừa đã trồng định nhân Nhị thừa, không tin có pháp Đại thừa và mười phương Tịnh độ, thì cũng không được vãng sinh. Vì những người này là hàng Nhị thừa ngu pháp, không tin có chư Phật và Tịnh độ trong mười phương, nên không chịu phát nguyện hồi hướng. Đây là Tiểu thừa kiên cố làm chướng ngại Đại thừa. Những loại người mà luận ấy nói đến đều là loại người mang định nghiệp. Chỉ những người không có ba định nghiệp ấy sẽ được vãng sinh.

- **Hỏi:** Nếu người ở cõi này có ba thử định nghiệp thì không được vãng sinh. Nhưng tại sao **Quán kinh** nói những người thụ trì năm giới, v.v... thì được vãng sinh? Cho đến người nghe nói Tứ đề liền chứng ngộ quả A-la-hán, v.v... há chẳng phải là định tính Tiểu thừa sao?

- **Đáp:** Đó là người không ngu pháp, tin có chư Phật và Tịnh độ trong mười phương, phát nguyện hồi hướng, nên mới được vãng sinh. Nếu đã chứng ngộ quả Thánh rồi, được nghe Phật giảng kinh Pháp hoa, những người ấy liền hồi tâm hướng về Đại thừa. Đây là lời của **luận Trí độ**. Còn luận về bậc Thánh vô học thuộc Nhị thừa, không kể là ngu pháp hay không ngu pháp, đều sinh về Tịnh độ. Vì các vị ấy thụ thân Biến dịch sinh tử, nên không sinh trong Tam giới.

- **Hỏi:** Ác nghiệp của chúng sinh cũng giống như núi cao. Những ác nghiệp ấy gây chướng ngại hạnh Tịnh độ, việc thiện nhỏ chẳng thể trừ được chúng, nhưng tại sao Quán kinh nói xưng danh hiệu Phật mười niệm lúc lâm chung liền được vãng sinh?

- **Đáp:** Tâm là chủ của nghiệp, là gốc của việc dẫn đi thụ sinh. Tâm lúc lâm chung cũng giống như con mắt, có thể dẫn dắt tất cả các nghiệp. Nếu tâm lúc lâm chung ác thì có thể dẫn dắt tất cả ác nghiệp, khiến sinh trong đường ác. Nếu tâm lúc lâm chung thiện thì có thể dẫn dắt tất cả thiện nghiệp, khiến sinh trong đường thiện. Giống như rồng di chuyển thì mây đi theo, nếu tâm hướng về Tây phương thì nghiệp cũng hướng theo về đấy. Đây là lời các kinh và luận.

- **Hỏi:** Như **kinh Di-lặc sở vấn** khi nói về mười niệm có ghi: "Chẳng phải niệm phàm phu không xen lẫn niệm kết sử". Nay chúng sinh ở cõi này đều có thân phàm phu, phiền não chưa đoạn trừ, tại sao niệm Phật được vãng sinh?

- **Đáp:** Nếu đúng theo kinh ấy, người không còn kết sử mới được vãng sinh, thì chỉ một mình Phật được vãng sinh, mọi chúng sinh khác đều không được vãng sinh, vì Bồ tát ở tâm sau cùng của Thập địa cũng còn có hai thứ vô minh. Nay tôi xin giải thích:

+ Niệm phàm phu: Nếu không phát tâm bồ-đề, cầu ra khỏi tam giới làm Phật, mà chỉ niệm Phật cầu sinh Tây phương, thì chỉ là vì sự tốt đẹp riêng cho một thân mình, mà lánh khổ tìm vui. Đây là niệm phàm phu, cũng không được vãng sinh. Cho nên ba hạng người vãng sinh trong kinh Vô Lượng Thọ đều phải phát tâm bồ đề.

+ Không xen lẫn niệm kết sử: Chỉ cần nhất tâm liên tục quán tướng hảo của Phật. Nếu miệng niệm Phật mà tâm duyên ngũ dục thì đó là xen niệm kết sử. Niệm Phật với tâm thuần tịnh thì trái ngược với kết sử; nếu hay thực hiện như thế thì phù hợp với kinh kia.

## CHƯƠNG V.

### DẪN CHỨNG KINH LUẬN

- **Hỏi**: Qua lý lẽ trình bày ở trên, tôi đã biết, do nguyện và hạnh hỗ trợ nhau mà được vãng sinh Tịnh độ thì không phải là ý vãng sinh vào lúc khác. Nhưng tôi vẫn chưa biết có kinh hay luận nào làm chứng cứ?

- **Đáp**: Nay tôi sẽ dẫn lời kinh và luận để làm chứng cứ.

#### V.1 DẪN CHỨNG KINH:

##### V.1.1 *Kinh Vô Lượng Thọ* quyển 1 ghi:

- Nếu tôi thành Phật, trong cõi nước của tôi có các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác. Nếu tôi thành Phật, người và trời trong cõi nước của tôi còn nghe danh từ bất thiện, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Nếu tôi thành Phật, trời và người trong cõi nước của tôi sau khi qua đời lại bị đọa ba đường ác, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác. Nếu tôi thành Phật,

trời và người trong cõi nước của tôi không ở trong chính định tụ cho đến diệt độ, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Nếu tôi thành Phật, trong cõi nước của tôi, trời và người, trừ người có bản nguyện riêng tùy ý có tuổi thọ dài ngắn, không có được tuổi thọ vô hạn lượng, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Nếu tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương chỉ tâm tin ưa, muốn sinh vào cõi nước của tôi, cho đến người xưng danh hiệu mười niệm, mà không được vãng sinh, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác. Chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch, phi báng chính pháp. Nếu tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sinh vào cõi nước của tôi, khi lâm chung, mà không có tôi và Thánh chúng vây quanh hiện trước người ấy, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Nếu tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu tôi, liền buộc niệm nhớ nghĩ đến cõi nước của tôi, gieo trồng các gốc công đức, chí tâm hồi hướng, muốn sinh vào cõi nước của tôi, nhưng không được toại nguyện, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Nếu tôi thành Phật, các loài chúng sinh trong vô lượng không thể nghĩ bàn thế giới chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu tôi, mà không chứng được Vô sinh pháp nhẫn, và các pháp tổng trì sâu kín của Bồ-tát, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác. Nếu tôi thành Phật, trong vô lượng không thể nghĩ bàn thế giới chư Phật ở mười phương có người nữ nghe danh hiệu tôi, vui mừng tin ưa, phát tâm Bồ-đề, chán ghét thân nữ, sau khi qua đời, lại còn làm người nữ, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác. Nếu tôi thành Phật, người và trời trong cõi nước của tôi không được vui sướng bằng vị tỳ-kheo hết sạch phiền não, thì tôi không giữ ngôi Chính Giác.

Giải thích: Xét văn 48 đại nguyện này, có hai lời nguyện đều nói đến trời và người, cho đến người nữ ở mười phương, mà không luận đến hàng Bồ-tát từ giai vị Bất thoái trở lên, những lời nguyện khác đều vì Bồ-tát. Vì vậy, nên biết, pháp môn Tịnh độ chính yếu vi hàng phàm phu, chỉ phụ thêm hàng Bồ-tát.

**Kinh Vô Lượng Thọ quyển 2 ghi:**



- Phật bảo ông A-nan: "Những chúng sinh nào sinh về nước kia đều trụ ở Chính định tụ. Vì sao? Vì trong nước của Phật kia không có Tà định tụ và Bất định tụ. Vô số chư Phật trong mười phương cùng khen ngợi Phật Vô Lượng Thọ có oai thần và công đức không thể nghĩ bàn. Những chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy, khởi lòng tin, vui mừng, ngay đến chỉ một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sinh vào cõi nước của Phật ấy, liền được vãng sinh, và được Bất thoái chuyển. Chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch, và phỉ báng chính pháp".

Phật lại bảo ông A-nan: "Người và trời trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sinh vào cõi nước kia có ba bậc. Bậc thượng là người lìa bỏ gia đình, dứt trừ ái dục, trở thành sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một mực chuyên tâm niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu tập các công đức, nguyện sinh về nước ấy. Những chúng sinh này đến lúc lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ và Thánh chúng hiện ra trước mặt. Họ bèn nương theo Đức Phật ấy vãng sinh về cõi nước của Ngài, liền được tự nhiên hóa sinh ở trong hoa sen bảy báu, trụ ở giai vị Bất thoái chuyển, có phúc tuệ đầy đủ, thần thông tự tại. Thế nên, này A-nan Những chúng sinh nào muốn được thấy Phật Vô Lượng Thọ trong đời này, phải nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành các công đức, nguyện sinh về nước kia".

Phật bảo ông A-nan: "Bậc trung là người và trời trong mười phương thế giới chí tâm phát nguyện sinh về cõi nước kia, tuy chưa thể tu tập hạnh sa-môn, thực hành các công đức lớn, nhưng nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu tập các hạnh lành, giữ gìn trai giới, dựng tháp, tạo tượng, cúng dường thức ăn cho sa-môn, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, hồi hướng những công đức ấy nguyện sinh về nước kia. Người ấy lúc lâm chung, Phật Vô Lượng Thọ hóa ra thân đầy đủ ánh sáng và tướng hảo như Phật thật, cùng với Thánh chúng hiện đến trước mặt. Người ấy liền theo Phật kia vãng sinh về nước của Ngài, trụ ở ngôi Bất thoái chuyển, công đức và trí tuệ kém hơn người bậc thượng".

Phật lại bảo ông A-nan: "Bậc hạ là người và trời trong mười phương thế giới dốc lòng muốn sinh về cõi nước kia, nếu không thể tạo các công đức, thì

nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, cho đến được mười niệm, và nguyện sinh về nước kia; hoặc là người nghe được diệu pháp thì vui mừng, tin ưa, không nghi ngờ, ngay đến dù chỉ niệm danh hiệu Phật kia được một niệm, và chỉ thành nguyện sinh về cõi nước kia. Người ấy lúc lâm chung mộng thấy Đức Phật kia thì cũng được vãng sinh, công đức và trí tuệ kém hơn người bậc trung”.

### V.1.2 Quán Kinh ghi:

Bấy giờ, Đức Phật bảo bà Vi-đề-hi:

- Nay bà có biết chăng? Cõi Phật A-di-đà ở cách đây không xa. Bà nên chú tâm quán kỹ cõi ấy thì Tịnh nghiệp sẽ thành tựu. Nay ta giảng rộng về các ví dụ cho bà nghe, đồng thời khiến cho tất cả phàm phu muốn tu Tịnh nghiệp ở đời vị lai đều được sinh về cõi Cực Lạc. Người muốn sinh về cõi nước ấy, nên tu ba phúc nghiệp. Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, hầu hạ sư trưởng, rèn luyện tâm từ không giết hại các loài, tu tập mười thiện nghiệp. Hai là, thụ tri tam qui và đầy đủ các giới, oai nghi không phạm lỗi. Ba là, phát tâm bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyên người tiến tu. Ba việc như thế gọi là tịnh nghiệp.

Phật dạy tiếp:

- Nay bà biết chăng? Ba tịnh nghiệp này là chính nhân Tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Phật bảo A-nan và bà Vi-đề-hi:

- Hạ phẩm hạ sinh gồm chúng sinh tạo các nghiệp bất thiện: ngũ nghịch, thập ác, và đủ các việc bất thiện khác. Người ngu như thế, vì tạo ác nghiệp nên đáng phải đọa vào đường ác trải qua nhiều kiếp chịu khổ không ngừng. Nhưng nếu người ấy lúc lâm chung gặp thiện tri thức dùng mọi cách an ủi, giảng cho nghe diệu pháp, dạy niệm Phật. Nhưng người ấy bị đau khổ bức bách, không rảnh tâm để niệm Phật. Vị thiện tri thức ấy bảo: “Nếu ông không niệm Phật được thì nên xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, chí tâm xưng

danh như thế, giữ cho tiếng không dứt, được đủ mười niệm xưng Nam-mô A-di-đà Phật". Nhờ xưng danh hiệu Phật nên người ấy trong mỗi niệm tiêu trừ được tội sinh tử trong 80 ức kiếp, đến khi qua đời, được thấy hoa sen vàng to như mặt trời hiện ở trước mặt, trong khoảng một niệm liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Người ấy ở trong hoa sen, qua đủ mười hai đại kiếp, hoa mới nở. Bấy giờ người ấy được Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí giảng cho nghe đầy đủ thật tướng các pháp, và pháp diệt tội, nghe xong thì vui mừng, liền phát tâm bồ-đề ngay lúc ấy. Đó là người Hạ phẩm hạ sinh. Phép quán tưởng như thế gọi là Hạ bối sinh tướng, là phép quán thứ mười sáu".

Giải thích: Căn cứ nhân chín phẩm vãng sinh, ba phúc tịnh nghiệp trên được xác định là nhân của chín phẩm. Một người cũng không cần tu đủ cả ba phúc tịnh nghiệp ấy.

### **V.1.3 Kinh A-di-đà (Tiểu bản) ghi:**

- Nay Xá-lợi-phất! Chúng sinh nào nghe được phải nên phát nguyện sinh về cõi nước kia. Vì sao? Vì sẽ được tụ họp một nơi với những bậc Thượng thiện. Xá-lợi-phất! Không thể nhờ một nhân duyên nhỏ, một chút phúc đức, hoặc căn lành nhỏ mà được sinh về cõi nước kia. Xá-lợi-phất! Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về Phật A-di-đà, liền nhớ nghĩ danh hiệu Phật ấy, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm không loạn, người ấy lúc lâm chung, Phật A-di-đà và Thánh chúng hiện ở trước mặt. Người ấy khi qua đời, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh cõi nước Cực Lạc của Phật A-di-đà. Xá-lợi-phất! Ta thấy điều lợi ích như thế, nên nói những lời này. Nếu chúng sinh nào nghe nói những lời này, phải nên phát nguyện sinh về cõi nước ấy.

Giải thích: Theo kinh này, căn lành chút ít nghĩa là phát nguyện sông, căn lành rộng lớn nghĩa là niệm Phật bảy ngày. Nếu có thể niệm Phật bảy ngày đủ một triệu biến, liền được vãng sinh.

## CHƯƠNG VI

### DẪN CHỨNG NGƯỜI ĐƯỢC VÃNG SINH

Nêu sơ lược 20 người gồm cả xuất gia lẫn tại gia được vãng sinh. Trong đó có 6 tỳ-kheo, 4 tỳ-kheo-ni, 5 cư sĩ nam, 5 cư sĩ nữ.

- **Hỏi:** Những kinh và luận được dẫn chứng ở trên để chứng minh việc vãng sinh thật là những chứng cứ tốt. Nhưng chúng sinh trí tuệ cạn cợt không thấu hiểu được ý Phật, chẳng bằng ngài hãy dẫn chứng những chuyện của người thời nay được vãng sinh để thúc giục tinh thần, khiến mọi người lập tức tin ưa điều được nghe và tiên tu.

- **Đáp:** Theo các kinh luận, số lượng người vãng sinh có tướng lạ và đài ánh sáng thì rất nhiều. Nhưng nay tôi dẫn sơ lược 20 người để phát khởi lòng tin cho người học.

#### VI.1 TỶ-KHEO TĂNG ĐƯỢC VÃNG SINH:

1) **Pháp sư Phương Khai:** người Hoa Âm. Năm Trinh Quán thứ 9 (635), Sư và pháp sư Huyền Quả ở chùa Ngộ Chân, huyện Lam Điền cùng nhau niệm Phật A-di-đà suốt một mùa hạ. Sau đó, Sư lấy một cành dương đặt vào tay tượng bồ-tát Quán Thế Âm, thệ: "Nếu con niệm Phật được vãng sinh, nguyện cành dương này bảy ngày không héo". Và Sư được toại nguyện, cành dương qua bảy ngày không héo. Sư lại vì tất cả chúng sinh mà thỉnh cầu: "**Luận Nhiếp Đại Thừa** nói vãng sinh vào thời điểm khác, **Quán Kinh** lại nói vãng sinh ngay. Nguyện cho con trong mộng thấy Phật A-di-đà để xin giải quyết mối nghi này". Ngay trong đêm ấy, Sư nằm mộng ba lần mà thấy chỉ ở một địa điểm. Đầu tiên, Sư mộng thấy một cái ao lớn, phía tây nam ao có một tòa lầu cao. Sư từ trên lầu bước xuống, đi đến bờ phía đông bắc ao, thấy một tám trượng báu cao hơn hai trượng, mở cửa về phía đông. Sư bỗng nhiên bay vào tám trượng, nửa người được vào trong, lại bay trở ra và hạ xuống phía tây

tắm trường, ở đó có một tòa điện lớn, một vị Đại đức ở trong đó bảo: "Người chỉ cần tu hạnh Tịnh độ đều được sinh trong trường này". Đến đây Sư liền tỉnh dậy, rồi lại mộng thấy bồ-tát Quán Thế Âm ngồi duỗi chân bên bờ phía bắc ao, mặt nhìn về phía bắc. Sư đưa tay nâng chân bồ-tát đặt lên đầu mình. Sư thấy hình bánh xe ngàn cãm ở lòng bàn chân bồ-tát, thân Ngài màu vàng Diêm-phù-đàn. Bỗng nhiên Sư tỉnh dậy, rồi lại mộng thấy mình đứng trên bờ phía nam ao nước, mặt nhìn về phía tây. Từ ao nước trở về phía tây là mặt nước mênh mông, chen chúc đầy hoa sen. Bỗng thấy Phật A-di-đà từ phía tây tiến lại đến trước mặt, Sư cúi đầu sát đất lễ Phật, lễ xong liền qui thẳng chấp tay trước Phật thưa: "Chúng sinh ở thế giới Ta-bà căn cứ vào kinh mà tu hành có được sinh về cõi nước của Thế Tôn không?". Phật đáp: "Này thiện nam tử! Tất cả chúng sinh chỉ cần tu hạnh Tịnh độ đều được sinh về cõi nước của ta. Đừng nghi ngờ gì cả!".

Một đêm khác, Sư lại mộng thấy mình ở thế giới Ta-bà, nhìn về phía tây thấy cõi Phật A-di-đà bằng phẳng như mặt gương, thấy thế giới Ta-bà chỉ toàn là núi và sông, Đông Tây thật khác biệt; nhìn về phía nam, thấy bằng phẳng, có 15 tấm trường báu đang đi về phía tây trên sông, tất cả đều là bảy báu, chỉ một tấm ở giữa là bằng bạc trắng, phía dưới trường vang lên tiếng âm nhạc, ca vịnh, khen ngợi. Sư hỏi: "Đây là những tấm trường gì?". Người dưới trường đáp: "Đây đều là những người được vãng sinh". Sư vui vẻ, tung người lên không trung, bay về phía tây trong chốc lát rồi đứng lại.

Lại vào một đêm khác, Sư mộng thấy mình ở trong một điện Phật, đang ở trước mặt Phật. Có một vị tăng tên Pháp Tạng ngự trên một cỗ xe vào tận trong điện Phật đón mình lên xe, chở đi về phía tây. Pháp Tạng chính là Phật A-di-đà, cỗ xe chính là 48 đại nguyện của Ngài. Trong một đêm khác, Sư lại mộng thấy chính mình ngồi duỗi chân trên tòa hoa sen lớn làm bằng trăm thứ báu, mặt nhìn về hướng nam, thành Chính giác. Có đêm Sư mộng thấy Phật Thích-ca và bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng trước mặt mình ca ngợi **kinh Pháp Hoa**. Rồi đêm khác Sư lại mộng thấy có ba con đường hướng thẳng về phía Tây: Trên con đường thứ nhất chỉ có tăng ni, con đường thứ hai toàn là người tại gia, con đường thứ ba chỉ có một vị tăng, tất cả đều đi về hướng Tây, đều là người vãng sinh.

**2) Pháp sư Đàm Loan (476 - 542):** Sư người Văn Thủy, Tinh châu, sống vào cuối đời Ngụy, đầu đời Cao Tề. Sư có tâm trí cao xa, vang danh ở ba nước, thông hiểu các kinh, kiến thức hơn người. Tiêu vương, vua nước Lương, thường quay mặt về phía bắc lễ và tôn xưng Sư là Bồ-tát Đàm Loan. Sư soạn bản chú giải **luận Vãng sinh** của bồ-tát Thiên Thân gồm 2 quyển, và **Soạn tập Vô Lượng Thọ kinh** 1 quyển có kèm theo 195 hàng kệ thất ngôn và những câu vấn đáp, cho lưu hành ở đời để khuyên người xuất gia lần tại gia quyết định cầu vãng sinh được thấy Phật A-di-đà. Sư thường thỉnh bồ-tát Long Thọ đến khai thị khi lâm chung. Đúng như ý nguyện của mình, khi chính báo của Sư ở cõi này hết, giữa đêm ấy có vị Thánh tăng xuất hiện bước vào phòng của Sư nói:

- Ta là Long Thọ, muốn nói với ông: "Lá đã rụng rồi, không thể bám lại cành; lúa chưa thu hoạch, đâu thể tìm trong kho; bóng câu qua khe cửa, không thể tạm dừng. Quá khứ không quay lại, vị lai chưa thể đến, hiện tại nay ở đâu? Bóng câu không thể quay lại". Pháp sư ngầm hiểu ý của lời nói này, tự biết mình sắp mạng chung.

Ngay giữa đêm ấy, pháp sư sai người báo cho hơn 200 đệ tử tại gia ở các thôn và đệ tử xuất gia trong chùa đồng thời tụ họp. Pháp sư tắm gội, mặc y mới sạch, tay bưng lư hương, ngồi ngay ngắn nhìn về hướng tây dạy môn đồ phải theo nghiệp Tịnh độ. Khi mặt trời vừa mọc, mọi người đồng thanh niệm Phật A-di-đà, Sư liền qua đời. Cách chùa năm dặm về phía tây, có ngôi chùa ni, ni chúng ở đó cũng là học trò của Sư. Sau khi trời sáng hẳn, đang tụ tập ở trai đường ăn cháo, tất cả ni chúng đều nghe thấy trên không có tiếng nhạc vi diệu từ phía tây vọng lại và đi về phía đông. Trong chúng có người thông hiểu bảo mọi người:

- Pháp sư hòa thượng trọn đời dạy người tu nghiệp Tịnh độ. Nay tiếng nhạc này đi về hướng đông, nhất định đúng là đến đón pháp sư. Ăn xong, mọi người bảo nhau đến cung tiễn pháp sư. Đang ở trước sân chờ nhau, chưa ra khỏi chùa, lại nghe tiếng âm nhạc đi về phía tây ở trên không, ni chúng cùng vội đến chỗ của Sư thì thấy ngài đã thị tịch.

Theo kinh luận, vị pháp sư này nhất định được sinh về Tây phương.

**3) Pháp sư Đấng ( ? - 592):** Sư sống vào đời Tùy ở chùa Hưng Quốc, Tinh châu, xuất gia từ bé, tinh tấn tu hành, đạo tâm rất kiên cố. Sư từng giảng trọn bộ kinh Niết bàn. Người đến học, dù tăng hay tục, nhỏ tuổi hay lớn tuổi, từ sa-di trở lên, Sư đều không cho đứng thưa hỏi, mà bảo ngồi xuống, rồi giảng cho nghe diệu pháp, truyền miệng cách niệm danh hiệu Phật A-di-đà, khuyên cùng nhau cầu vãng sinh Tịnh độ. Cả đời Sư giữ hạnh nghiệp thanh tịnh, thường xuyên đốt hương niệm tụng, tạo phúc rất nhiều, lòng dạ rất từ bi, các loài chim tu hú, bồ câu, v.v.... thường bay đến ăn trên tay Sư rồi bay đi. Trong năm Khai Hoàng thứ 12 (592) đời Tùy, Sư thị tịch trong chùa. Lúc ấy, mọi người đều ngửi thấy mùi thơm lạ. Hôm đưa nhục thân Sư đi an táng, có mây hương từ phía Tây đến đón. Nghe tin Sư thị tịch, tất cả mọi người trong thành, già, trẻ, nam, nữ đều tiễn đến nơi an táng.

Đã có điềm lành ấy, thì nhất định Sư được vãng sinh Tịnh độ.

**4) Pháp sư Chủ Hồng (604 - ?):** Sư sống vào đời Tùy, trụ ở Nội đạo tràng của Hán vương, Tinh châu. Sư sinh năm Nhân Thọ thứ 4 (604), xuất gia từ bé, cả đời tinh tấn tu hành, tay không cầm tiền, cúng dường Tam bảo, giáo hóa người hữu duyên. Sư cũng chuyên tâm tu Tịnh độ, cầu được thấy Phật A-di-đà. Lúc Sư lâm chung, tâm nhãn sáng suốt, an tịnh, thấy thiên nam và thiên nữ từ trời Đâu-suất đến đón, tiến lại gần, nắm ca sa Sư, nói pháp sư sắp được sinh lên cõi trời. Pháp sư quở trách: "Ta không mong chỗ ấy!", và không chịu đi. Các đệ tử ở bên cạnh liền niệm Phật A-di-đà. Chốc lát sau, thấy Hóa Phật và các Bồ-tát ở Tây phương Tịnh độ đến đón, Pháp sư mới bảo mọi người: "Các Bồ-tát ở cõi Tịnh độ mà ta cầu mong nay đã đến". Ngay lúc ấy, Pháp sư qua đời.

**5) Pháp Sư Tăng Diễn (547-642):** Pháp sư người Vấn Thủy, Tinh châu, xuất gia từ bé, chuyên tâm tu học, từng giảng nhuần nhuyễn bốn bộ kinh và luận là *kinh Niết bàn*, *luận Nhiếp Đại thừa*, *luận Thập địa*, *kinh Địa trì*. Sư thọ 96 tuổi, thị tịch năm Trinh Quán thứ 16 (642). Pháp sư chuyên niệm Phật A-di-đà được năm, sáu năm; lúc mới hồi tâm, giữ mức một ngày một đêm

lễ Phật A-di-đà 500 lạy; về sau, cứ tăng dần lên, đến lúc sắp lâm chung, mỗi ngày đêm lễ 1000 lạy, niệm bảy, tám vạn biến danh hiệu Phật A-di-đà; chưa bao giờ biếng trễ. Ngày lâm chung, Sư bảo đệ tử: "Phật A-di-đà đã đến trao y và hương cho ta, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, và Thánh chúng đến đầy khắp trên không trung, từ đây trở về phương Tây đều là Tịnh độ". Ngay lúc ấy, Sư qua đời.

Thời gian đầu tu hành, pháp sư hoàn toàn không để tâm đến nghiệp Tịnh độ; từ năm 90 tuổi trở đi, gặp pháp sư Đạo Xước giảng **kinh Vô Lượng Thọ**, sau khi nghe xong, Sư mới hồi tâm được chừng bốn, năm năm, lúc lâm chung đã có cảnh giới vừa nói sơ lược ở trên.

**6) Pháp sư Đạo Xước (? - 645):** Pháp sư cũng là người Tấn Dương, Tinh châu, là đệ tử đời thứ ba của pháp sư Đàm Loan. Sư từng giảng trọn bộ **kinh Niết-bàn**, thường ca ngợi trí đức cao xa của pháp sư Đàm Loan. Sư tự nói: "Trí đức của Ngài cao hơn tôi một trời một vực, mà Ngài còn bỏ việc giảng dạy để tu Tịnh độ và đã được vãng sinh. Hướng gì kẻ tầm thường tôi, hiểu biết đâu được bao nhiêu, mà cho đó là đức? Từ năm Đại Nghiệp thứ 5 (608) trở đi, Sư bỏ việc giảng dạy, chỉ tu hạnh Tịnh độ, một mực chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, lễ bái cúng dường liên tục không gián đoạn. Năm Trinh Quán (627) trở về sau, để khai ngộ người hữu duyên, Sư thường xuyên giảng **Vô Lượng Thọ Quán Kinh** một quyển, dạy người xuất gia và tại gia trong ba huyện Tấn Dương, Thái Nguyên và Ván Thủy thuộc Tinh châu. Từ bảy tuổi trở lên, ai nấy đều hiểu biết pháp môn Niệm Phật; người tinh tấn mức thượng dùng đũa để đếm số lần niệm Phật A-di-đà thì được 80 thạch, hoặc 90 thạch; người tinh tấn mức trung thì niệm được 50 thạch; người tinh tấn mức hạ thì niệm được 20 thạch. Người hữu duyên được Sư dạy, không ai nhổ nước bọt, xì nước mũi, hoặc tiểu tiện, không ngồi hoặc nằm xoay lưng về phía Tây. Bộ **An lạc tập** hai quyển do Sư soạn được lưu hành ở đời. Ngày 24 tháng 4 năm Trinh Quán thứ 19 Ất Tỵ (645) Sư từ biệt cả hai giới xuất gia và tại gia. Đệ tử trong ba huyện liên tục đến từ biệt Sư, đông không thể kể xiết. Đến ngày 27 Sư thị tịch ở chùa Huyền Trung. Lúc ấy, có vàng mây trắng từ phía Tây bay đến, biến thành ba luồng ánh sáng trắng chiếu xuyên đến giữa phòng của



Sư, đến khi Sư tịch rồi mới biến mất. Sau đó, khi làm lễ thiêu và lập lăng mộ thờ Sư, lại có ba luồng ánh sáng năm màu hiện trên không trung, che quanh mặt trời, đến lúc thiêu xong thì ánh sáng ấy mới mất. Tiếp đó, còn có mây tia hiện ba lần trên lăng mộ của Sư, tất cả đệ tử đều thấy các điềm lành ấy.

Theo kinh, có thể đoán đó chính là năng lực căn lành từ bi của chư Phật hay khiến cho chúng sinh thấy những việc như thế. Lại trong *kinh Hoa nghiêm* có bài kệ:

*Lại phóng ánh sáng là thấy Phật*

*Người giác ngộ qua đời mới có*

*Niệm Phật Tam-muội ắt thấy Phật*

*Sau khi mệnh chung, sinh trước Phật.*

## VI.2 TỶ-KHEO-NI ĐƯỢC VÃNG SINH

1) **Ni Pháp Thịnh** (368 - 439): Ni sư họ Nhiếp, người Thanh Hà. Năm Nguyên Gia thứ 10 (433), ni sư xuất gia ở chùa Kiến Phúc. Ni sư là người đạo cao đức trọng, thường nguyện sinh cõi An Dưỡng. Ni sư bảo hai người bạn học Đàm Kinh và Đàm Ái: "Tôi lập thân hành đạo luôn giữ chỉ cầu sinh Tây phương". Ngày 27 tháng 9 năm Nguyên Gia thứ 16 (439), sau khi đến tháp lễ Phật, ni sư bị bệnh và mỗi ngày một nặng thêm. Vào đầu đêm cuối tháng ấy, vừa mơ màng tựa như ngủ, ni sư thấy đức Như Lai từ trên không trung hiện xuống, bàn luận giáo nghĩa với hai vị Đại sĩ; khoảnh khắc sau, ni sư thấy mình cùng Thánh chúng lên đến chỗ cây cối xum xuê, hương thơm ngào ngạt. Khi thức dậy, ni sư trở bệnh nặng, trong phòng bỗng có ánh sáng tỏa chiếu rõ như ảnh đuốc, cả chùa đều trông thấy, cùng đến hỏi đó là ánh sáng gì. Kể mọi việc vừa xong, ni sư liền qua đời, thọ 72 tuổi. Thái thú Dự Chương là Trương Biện, người quận Ngô, vì tôn kính ni sư từ trước, nên thuật lại chuyện này.

2) **Ni Pháp Thắng ở chùa Nam, huyện Ngô:** Sau khi xuất gia, ni sư liền đến kinh đô tu học thêm Thiền và Luật. Ni sư thông hiểu hai môn Định và Tuệ, suy tìm đến chỗ sâu kín của giáo nghĩa. Ni sư khuyến dạy quyến thuộc của mình tuy không nghiêm khắc, nhưng họ đều thành tựu. Ni sư thường tọa thiền niệm Phật. Lúc lâm chung, được Phật phóng ánh sáng đến đón.

3) **Ni Quang Tĩnh ở chùa Quảng Lăng Trung:** Ni sư họ Hồ, người Ngô Hưng, xuất gia từ bé, giới hạnh cao khiết ngay khi còn ít tuổi, thường tu tập Thiền tuệ, không ăn thức ngon. Có đến hơn trăm người theo ni sư học thiền. Ni sư thường xuyên niệm Phật và giữ giới thanh tịnh. Lúc lâm chung, hương thơm tỏa khắp không trung và nhiều cảnh lạ hiện ra ngênh đón.

4) **Ni Đại Minh Nguyệt:** Ni sư người Bình Dao, Giới châu, xuất gia từ nhỏ, ở chùa Độ Thoát. Năm Trinh Quán thứ 1 (627), gần 60 tuổi, ni sư gặp Pháp sư Đạo Xước ở chùa Huyền Trung giảng **kinh Vô Lượng Thọ**, dạy tu hạnh niệm Phật. Trước khi niệm Phật, ni sư luôn luôn mặc y sạch, ngậm hương trầm thủy, và đốt các thứ hương trong tịnh thất. Ni thực hành liên tục như thế suốt ba, bốn năm. Lúc lâm chung, sức khỏe ni sư vẫn không suy giảm, mọi người đều thấy có ánh sáng lạ, trong vàng ánh sáng ấy lại thấy khói thơm mùi trầm thủy tỏa đến ngênh đón, ngay lúc ấy Ni sư qua đời. Bây giờ, ni sư có người em gái tên Thiếu Minh Nguyệt, cũng giống như chị mình, lấy việc niệm Phật làm hạnh nghiệp, đến phút vô thường cũng cảm được các tướng tốt... khó thể tả được. Người xuất gia hoặc tại gia, khi nghe kể các việc ấy, đều phát tâm niệm Phật.

### VI.3 CƯ SĨ NAM ĐƯỢC VÃNG SINH

1) **Đàm Viễn:** Người Lô Giang, tinh tấn thờ Phật, giữ giới Bồ-tát. Khoảng niên hiệu

Nguyên Gia đời Tống (424 - 453), mới 18, 19 tuổi, ông đã hướng tâm về Tịnh độ. Vì mong cầu được sự cảm ứng, Viễn thường thỉnh vài vị tăng đến nhà tụng kinh, và nhân đó hỏi thầy Tăng Hàm về pháp sám hối, bởi ông sợ mình có tội khiến tâm nguyện không cảm thấu đến chư Phật và Bồ-tát. Sư Tăng Hàm thường xuyên khích lệ, khuyến ông đừng lười biếng. Đêm hôm 16 tháng 2 năm

Nguyên Gia thứ 10 (433), sau khi tụng kinh xong, chư Tăng đều đã ngủ, đến giữa canh tư, bồng Viễn nói to: "Xướng tụng, xướng tụng đi!". Tăng Hàm giật mình, hỏi thì Viễn nói ông thấy Đức Phật thân màu vàng ròng, hình dáng và kích thước giống như tượng thờ, ánh sáng vàng tỏa quanh thân, tràng phan và hoa tung bay đầy trong không trung; Ngài từ phía Tây đến, gọi ông hãy đi mau. Viễn thường đau yếu, hơi thở gấp gáp, hỏn hển, nhưng đêm ấy lại khoẻ, nét mặt tươi vui hẳn lên, đứng dậy thỉnh tăng. Thầy Tăng Hàm bèn cầm hương và hoa tung rải lên Phật. Bà mẹ bảo Viễn: "Con nỡ bỏ mẹ mà đi sao?". Viễn không đáp, một lát sau bồng nằm xuống. Cả nhà đã nghe thấy những điều linh dị, nên đều vui mừng, bình tĩnh, không buồn, không sợ. Đến canh năm, Viễn bồng nhiên qua đời. Trong nhà có hương thơm suốt mấy ngày mới hết.

**2) Thế Tử nước Ngụy:** Người quận Lương. Sách *Tuyên tường ký* ghi ba cha con ông đều được vãng sinh. Ông tinh tấn tu học Phật pháp, các con cũng tu tập theo, chỉ có người vợ mê muội, không tin kinh Phật. Đầu niên hiệu Nguyên Gia (424), đứa con gái mười bốn tuổi của ông bị bệnh chết, bảy ngày sau bồng sống lại, nói với Thế Tử: "Cha hãy làm một tòa cao, và tìm một bộ kinh Vô Lượng Thọ cho con". Thế Tử liền cho làm tòa và chuẩn bị kinh. Người con gái, trước đó tuy có ăn chay, giữ giới, lễ Phật, nhưng chưa từng đọc kinh, bảy giờ lại lên tòa đọc **kinh Vô Lượng Thọ**, tiếng rõ ràng, trôi chảy, câu cú rành mạch. Sau đó, cô gái xuống tòa, bảo cha: "Con vừa qua đã chết, được vãng sinh về cõi Phật Vô Lượng Thọ, thấy ba người là cha, anh và con đều đã có hoa sen lớn dành sẵn trong ao thất bảo để về sau sẽ hóa sinh vào đó. Vì chỉ một mình mẹ con không có hoa, nên con không đành lòng, mới quay về báo với cha". Nói xong, đứa con gái qua đời. Từ đó, người vợ của Thế Tử mới kính tin Phật pháp.

**3) Trương Nguyên Tường:** Người huyện Vạn Niên, Ung châu, bẩm tính ngay thẳng, siêng năng giữ giới, thường tụng **kinh Quán Vô Lượng Thọ**, niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Tường bị bệnh từ tháng 5 năm Khai Hoàng thứ 20 (608) đời Tùy, đến giờ Thìn ngày 3 tháng 6 thì muốn ăn và nói: "Mang thức ăn

chạy cho ta!". Người nhà mang thức ăn đến, Tường ăn xong, lại thắp hương và đèn, giữ tâm chính niệm mà qua đời. Mặc dù được quản lại hơn hai ngày sau mới đưa đi an táng, nhưng nét mặt ông vẫn giữ y như lúc còn sống. Mọi người đều khen ngợi. Chính sức của công đức lành khiến được như thế.

**4) Ông cụ ở huyện Phần Dương, Tỉnh châu:** Người kể không rõ tên họ ông ta.

Trong năm Trinh Quán thứ 5 (631), nghe nói về công đức vãng sinh Tịnh độ, ông cụ liền mang lương thực đến chùa Pháp Nhãn, xin chư Tăng cho ở nhờ một gian phòng. Cụ ở đó ngày đêm chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, không hề chợp mắt suốt ba, bốn năm. Lúc lâm chung, chư tăng sai người gọi con gái của ông cụ tên Đắc Nhi đến thăm. Khi ấy, ông cụ bảo mọi người: "Đạo này, hằng ngày đều có vô số sư tăng từ phương tây đến, và đi về phương đông như dự trai tăng". Ông cụ còn bảo con: "Ngày mai sẽ có ánh sáng chiếu thân ta, khi ấy con đừng lấy làm lạ nhé!". Hôm sau, đến giờ, quả thật có ánh sáng chiếu khắp trong phòng. Ông cụ qua đời ngay lúc đang hướng về phía tây, dáng người như muốn bước lên cao.

**5) Một người không rõ họ tên:** Nghe đồn, người ấy tính tình hiểm ác, lại không tin nhân quả, thường hay săn giết thú rừng. Bấy giờ, người ấy bị bệnh, đến lúc lâm chung thấy đủ các cảnh khổ ở địa ngục, những chủng sinh bị ông giết trước kia đến đòi mạng.

Người ấy hối hận, tự nhủ: "Ta suốt đời không tin lời sư tăng; những điều hôm nay được thấy thật đúng như kinh nói". Ông liền bảo người nhà:

- Các người hãy cứu ta. Vợ con ông ta nói:
- Cứu ông bằng cách nào?
- Nếu các người không cứu được ta thì mau sai người đến chùa mời một vị sư đến cứu ta.

Theo lời ông ta, người nhà mời được một vị tăng đến nhà. Trông thấy vị tăng, người ấy buồn bã, vừa khóc vừa nói:

- Xin thầy từ bi cứu gấp đệ tử.

- Thí chủ suốt đời không tin Tam bảo, hôm nay sắp qua đời, e rằng khó cứu được!

- Thật thế sao? Thầy đọc kinh Phật, có thấy nói người mắc tội như đệ tử lúc lâm chung có cách gì cứu không?

- Trong **Quán kinh** có một đoạn nói về việc này. Người ấy bỗng vui mừng hơn hờ, nói:

- Phật nói có địa ngục, thì đúng như lời Ngài, tức có địa ngục. Phật nói được vãng sinh, thì đệ tử chắc chắn được vãng sinh.

Người ấy liền bảo người nhà:

- Hãy mang hương và đèn đến đây.

Người nhà đưa lửa và hương đưa cho ông ta. Ông ta nói:

- Nay ta sắp vào địa ngục, ở trong lò lửa, vạc sôi rồi. Đâu cần lư! Hãy mang hương và lửa đặt vào tay ta. Thế rồi, ông ta tay trái cầm lửa, tay phải cầm hương, xoay mặt về phía tây, chí tâm niệm Phật, chưa đầy mười niệm, liền bảo mọi người:

- Đức Phật từ Tây phương đến, cùng rất nhiều Thánh chúng, tất cả đều phóng hào quang. Đức Phật trao cho ta một tòa hoa sen. Nói xong, người ấy liền qua đời.

*(Đây là trường hợp niệm Phật mười niệm được vãng sinh).*

## VI.4 CƯ SĨ NỮ ĐƯỢC VẮNG SINH

1) **Vợ Huyện ủy Ôn Tĩnh Văn:** Bà người Tấn Dương, Tinh châu, không biết họ gì, bị bệnh liệt nửa người từ lâu, phải thường xuyên nằm trên giường. Người chồng bảo:

- Suốt ngày nằm trên giường, sao bà không niệm Phật? Người vợ nói:
- Niệm Đức Phật nào hả ông?
- Niệm Phật A-di-đà đấy!

Từ đó, suốt hai năm, người vợ thường xuyên niệm Phật, nhờ thế, tội chướng tiêu trừ, hiện tại được thấy cõi Phật A-di-đà. Người vợ vui mừng cảm tạ chồng:

- Tôi bị bệnh lâu ngày, đã làm phiền ông quá nhiều. Nay nhờ ông chỉ niệm Phật A-di-đà, nên tôi được thấy cõi Phật. Ngày mai tôi sẽ ra đi, vì thế, xin ông hãy báo cho cha mẹ và các anh em biết, đồng thời, hãy sửa soạn một bữa tiệc chay để tôi chia tay với mọi người.

Người chồng nói:

- Đâu có chuyện người phàm phu được thấy Phật! Chẳng phải bà bị phong tà nên thấy làm chẳng?

Chắc chắn tôi không bị phong tà gì cả! Người chồng liền bảo với cha mẹ và bà con. Đến hôm đãi tiệc chay, bà cho trải năm tấm thảm gần các vị tăng để Thánh chúng ngồi. Đến giờ, thấy Thánh chúng từ xa trên không trung, mà không hạ xuống, người vợ liền nói:

- Tôi nghi các vị tăng này không thanh tịnh, nên chư Thánh không chịu ngồi chung.

Bà liền sai người trải thảm ở chỗ bằng phẳng trên nóc nhà, lại mang thức ăn cúng dường. Khi chư tăng ăn xong, bà hỏi thúc cả nhà tụ họp nghe thuyết pháp. Sau đó, người vợ dặn dò:

- Hôm nay tôi sẽ theo chư Thánh vãng sinh tây phương, ý nguyện của tôi là cha mẹ và mọi người thân thuộc đều niệm Phật để đời sau cùng đến Tịnh độ phương tây không thể nghĩ bàn.

Nói xong, người vợ ngồi ngay ngắn, mặt hướng về phía tây. Mọi người cùng niệm Phật, vợ quan Huyện ủy liền qua đời.

Người như thế thật không ai có thể sánh kịp!

**2) Hai ông bà cụ ở Câu Sơn:** Ông bà sống vào niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 618) đời nhà Tùy. Nhà ông bà ở Câu Sơn, huyện Văn Thủy, Tinh châu, không có con cái, chỉ có vài ba gia nhân. Ông bà thường xuyên dự trữ sẵn lương thực đủ ăn trong hai năm. Hiểu rõ lý "khổ không" của các pháp, cứ đến ngày 29 hàng tháng, ông bà lại thỉnh hai vị tăng từ trên núi xuống thuyết pháp một đêm. Cả thôn có khoảng 60 gia đình, đều tùy hỉ đến nghe pháp và thọ giới. Sáng hôm sau là ngày cuối tháng, thì ông bà thiết lễ cúng dường trai phạn. Sự việc cứ tiếp diễn bình thường như thế. Hễ đến ngày cúng dường trai phạn, bà cụ tắm rửa sạch sẽ, tự tay làm mọi việc. Ông cụ bảo:

- Thân già sức yếu rồi, bà chỉ cần dùng lời sai bảo người làm, đâu cần tự tay làm.

Bà cụ đáp:

- Tôi sợ chỉ trong sớm tối sẽ chết, không còn làm được nữa. Nếu sai bảo người làm thì chỉ là phúc của họ thôi.

Thế rồi, hễ tổ chức trai phạn thì bà cụ nhất định phải tự tay làm. Trong khoảng hai, ba năm liên tục, mọi công đức tạo được và công hạnh tụng niệm, bà cụ đều hồi hướng về Tịnh độ. Ngày bà cụ lâm chung, mọi người trong thôn đều đến thăm. Trời vừa tối, một điềm lành xuất hiện. Bảy giờ, mọi người đột nhiên thấy có ánh sáng chiếu vào nhà, đèn không thắp mà cả nhà sáng rực như ban ngày. Mọi người đồng thanh niệm Phật được chốc lát thì thấy Thánh chúng rất đông, một vị Bồ-tát cầm lọng báu trang nghiêm và vi diệu che rợp giữa sân. Ngay lúc ấy, bà cụ qua đời.

**3) Bà cụ mù:** Bà họ Lương, sống ở thôn Bàn Long, cách huyện Vĩnh An, Lạc châu tám dặm về phía đông. Trong niên hiệu Trinh Quán (627 - 649) đời Đường, không nhớ năm tháng nào, do có sẵn căn lành đời trước, nên ngay sau khi được một vị sư dạy niệm Phật A-di-đà qua một lần, bà cụ ấy đã niệm Phật liên tục; đến được ba năm thì hai mắt bà cụ bỗng sáng trở lại. Sau khi sáng mắt trở lại, bà cụ càng ra sức tụng niệm nhiều hơn, đến khi được tròn bốn năm thì hết nghiệp báo ở thế gian. Hôm bà cụ qua đời, cả thôn đều thấy chư Phật và Bồ-tát cùng với nhiều tràng phan, lọng báu hiện xuống đón bà đi. Ngay lúc ấy bà cụ qua đời. Cả thôn đều kính ngưỡng, cho việc ấy là khác thường, bèn không cho an táng, mà cùng nhau dựng tháp cho bà ở phía tây thôn. Hiện nay, tháp ấy vẫn còn ở ven đường, người trong thôn mỗi khi qua lại trước tháp đều tỏ vẻ rất kính trọng. Cả thôn ấy, từ người lớn đến trẻ nhỏ đều phát tâm niệm Phật.

**4) Bà Bùi:** Người Tấn Dương, Tinh châu. Vào niên hiệu Trinh Quán (627 - 649), sau khi gặp được một vị sư dạy dùng đậu để đếm số lần niệm Phật, bà chuyên tâm niệm Phật A-di-đà được 13 thạch đậu (*1 thạch bằng 20 đấu; một đấu bằng 10 thăng, một thăng bằng một lít*). Khi nghiệp báo hết, bà biết trước nơi sẽ sinh về, liền từ biệt chư tăng và mọi người thế tục. Hôm sau, đến giờ trai, bà bảo người nhà: "Thắp đèn, đốt hương lên! Phật A-di-đà đem hai đài sen đến, và Ngài trao cho ta một đài sen". Nói vừa xong, bà liền qua đời.

**5) Bà Diêu:** Người huyện Lễ Tuyền, Ung châu, được một vị sư dạy cách niệm Phật A-di-đà. Ngày 20 tháng 7 năm Trinh Quán 22 (648), vô thường chợt đến, Phật A-di-đà cùng bồ-tát Quán Thế Âm, bồ-tát Đại Thế Chí và vô số Bồ-tát đến đón bà. Vì chưa được từ biệt bà Phạm, một vị thiện tri thức bấy lâu của mình, bà thỉnh cầu Đức Phật tạm chờ phút chốc để bà từ biệt. Đức Phật nhận lời. Chốc lát sau, bà Phạm đến nơi, bà Diêu nói lời từ biệt, rồi qua đời.



## CHƯƠNG VII

### SO SÁNH CỖ TÂY PHƯƠNG VÀ CUNG TRỜI ĐÂU-SUẤT

- **Hỏi:** Cung trời Đâu-suất và Tịnh độ A-di-đà là hai nơi cùng được Phật ca ngợi trong kinh. Tôi không biết nơi nào hơn, nơi nào kém, xin ngài chỉ dạy.

- **Đáp:** Hai nơi này, mỗi nơi có ba nghĩa, không biết ông hỏi nghĩa nào. Ba nghĩa ấy là: một, Hóa chủ, tức Phật; hai, nơi chốn, tức thế giới; ba, chúng sinh được giáo hóa, tức người được vãng sinh. Về hóa chủ, cả hai vị đều là Pháp vương, đều được tôn xưng là bậc Thiện Thệ, thân có đủ muôn đức. Về cõi nước, cả hai nơi đều có rất nhiều sự tốt đẹp. Về chúng sinh, cả hai nơi đều là chúng sinh hóa sinh. Nếu so sánh, công đức của hai vị Phật không có hơn kém. Luận về cõi nước thì có hơn kém nhau: Cung trời Đâu suất được thiết lập trên hư không, thế giới Cực Lạc được kiến tạo trên mặt đất. Thế thì, hai nơi ở hư không và mặt đất khác nhau, hai đường người và trời riêng biệt. Xét hai cõi này, thì cõi trời hơn, cõi người kém. Nếu luận về ướ và tịnh thì Đâu-suất tuy là cung trời, nhưng do ở đó có người nữ, cho nên gọi là cõi Uế, còn Cực Lạc tuy là ở mặt đất, nhưng do không có người nữ, cho nên gọi là cõi Tịnh.

#### VII.1 SỰ KHÁC NHAU GIỮA HAI CỖ TỊNH VÀ UẾ

Hai cõi Tịnh và Uế này có mười điểm khác nhau:

1) Có người nữ và không có người nữ: Ở cõi trời Đâu-suất, người nam và người nữ ở lẫn lộn; còn cõi Cực Lạc chỉ có người nam, không có người nữ.

2) Có tham dục và không có tham dục: Chúng sinh ở trời Đâu-suất có thượng tâm dục, nên mê đắm cảnh giới; còn chúng sinh ở cõi Cực Lạc không có thượng tâm dục, nên thường phát khởi tâm bồ-đề.

3) Thoái chuyển và không thoái chuyển: Trời Đâu-suất là nơi có thoái chuyển; cõi Cực Lạc là nơi không thoái chuyển.

4) Thọ mạng: Tuổi thọ của chúng sinh ở trời Đâu-suất là 4.000 tuổi, lại bị chết yểu; còn tuổi thọ của chúng sinh ở cõi Cực Lạc là vô số a-tăng-kỳ kiếp, và không bị chết yểu.

5) Ba tính tâm: Chúng sinh ở trời Đâu-suất sinh có đủ ba tính tâm là thiện, ác, vô ki, do đó khi khởi tâm ác thì bị đọa địa ngục; chúng sinh ở cõi Cực Lạc chỉ có tâm thiện, cho nên, vĩnh viễn lia đường ác.

6) Ba thọ tâm: chúng sinh ở trời Đâu-suất có ba thọ (*khổ, vui, không khổ không vui*) sinh khởi xen nhau; chúng sinh ở cõi Cực Lạc chỉ có vui.

7) Cảnh giới sáu trần: Sáu trần ở trời Đâu-suất khiến cho mọi người trở nên buông lung và đắm nhiễm; còn sáu trần ở cõi Cực Lạc khiến mọi người phát tâm bồ-đề.

8) Thụ sinh: Người nam ở trời Đâu-suất thụ sinh trên đầu gối người cha, người nữ thụ sinh trên đầu gối người mẹ. Chúng sinh ở Cực Lạc thụ sinh trong hoa sen ở ao thất bảo.

9) Thuyết pháp: Ở trời Đâu-suất, chỉ có Phật và Bồ-tát thuyết pháp; còn ở cõi Cực Lạc, nước, chim, cây cối đều thuyết pháp được.

10) Chứng quả: Người sinh về Đâu-suất, có người chứng được quả Thánh, có người không chứng được. Người sinh về Cực Lạc chắc chắn chứng được quả Vô thượng bồ-đề. Vậy, nếu xét những nghĩa này thì cõi Cực Lạc rất ưu việt, còn trời Đâu-suất rất thấp kém.

## VII.2 SỰ CẦU SINH DỄ HAY KHÓ

Nếu luận người vãng sinh thì việc đến cõi Tây phương là dễ, còn việc lên trời Đâu-suất là khó. Sự khó dễ ấy cũng có bảy trường hợp khác nhau:

1) Xứ khác nhau: Chúng sinh ở Cực Lạc là người, chúng sinh ở trời Đâu-suất là trời. Thế thì, làm chúng sinh ở trời Đâu-suất khó, làm chúng sinh ở Cực Lạc dễ.

2) Nhân khác nhau: Chỉ cần giữ năm giới cũng được sinh về Cực Lạc, nhưng phải tu đầy đủ Thập thiện mới được sinh lên trời Đâu-suất.

3) Hạnh khác nhau: Ngay cả chỉ thành tựu mười niệm niệm Phật thì liền được vãng sinh cõi Cực Lạc (theo **Quán kinh**). Nhưng phải thực hành đầy đủ ba hạnh là bố thí, giữ giới và tu định mới được sinh lên trời Đâu-suất (theo **kinh Di-lặc**).

4) Tự lực và tha lực khác nhau: Nhờ vào tha lực 48 đại nguyện của Phật A-di-đà mà chúng sinh được sinh về Cực Lạc. Còn sinh về Đâu-suất, chỉ hoàn toàn nhờ vào tự lực, không có lời nguyện nào để nương.

5) Có thiện tri thức và không có thiện tri thức: Cõi Cực Lạc có Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí thường đến thế gian khuyến khích người cầu vãng sinh, lúc họ lâm chung, các ngài mang đài kim cương đến tiếp đón họ, dùng nhiều cách khen ngợi, khích lệ tinh thần họ, và họ liền được vãng sinh. Vì trời Đâu-suất không có hai vị Bồ-tát ấy, nên hành giả phải tự tiến tu để được sinh lên cõi trời ấy.

6) Số lượng kinh luận khuyên cầu sinh về Cực Lạc và cầu sinh trời Đâu-suất khác nhau: Nói về Cực Lạc, các kinh đều ca ngợi, các luận đều khuyên sinh về nơi ấy. Nói về Đâu-suất, không những có ít kinh ca ngợi, mà cũng có ít luận khuyên sinh về nơi ấy.

7) Số lượng các bậc Đại đức xưa nay qui hướng về hai cõi ấy khác nhau: Khá nhiều vị danh tăng có trí tuệ cao rộng từ xưa đến nay cầu sinh về Cực Lạc. Số lượng những vị Đại đức xưa nay cầu sinh về Đâu-suất rất ít.

Do những nghĩa ấy, việc cầu sinh về Tây phương khá dễ, việc cầu sinh lên trời Đâu-suất rất khó.

## CHƯƠNG VIII

### THỜI ĐIỂM TUYÊN GIẢNG GIÁO PHÁP

- **Hỏi:** Phật đạo cao xa, cốt phải do trí tuệ mà liễu ngộ, niết-bàn sâu kín, hẳn cần nhờ định lực mới đạt đến được. Thế thì, định và tuệ là nền tảng của muôn hạnh, muôn hạnh là cội rễ của Đại đạo, nhưng hiện nay, mọi người chỉ mền mộ pháp Niệm Phật, chú tâm nghĩ nhớ Tây phương. Việc này, tôi thật do dự, xin ngài giải thích.

- **Đáp:** Pháp Phật minh mông, pháp môn không chỉ có một. Chúng sinh không đồng, căn tính rất khác. Do đó, đâu chỉ pháp phân chia theo người, nên giáo có nông sâu, mà người cũng phân biệt theo thời, nên căn tính có nhanh chậm. Vì thế, giáo mở bày 84.000 môn, chia ra năm thời, cho nên, hành giả tu đạo cần phải xét thời. Nếu thời và giáo phù hợp nhau thì dễ chứng Phật đạo, nếu thời và giáo trái lệch nhau thì Bồ-tát không chứng quả được. Do đó, ***kinh Chính pháp niệm*** ghi: "Khi hành giả nhất tâm cầu đạo, thường nên quán sát thời và phương tiện. Nếu không được thời và không có phương tiện thì đó là "thất", không gọi là "lợi".

Năm thời: Phần ***Nguyệt Tạng*** trong ***kinh Đại tập*** ghi:

- Sau khi Đức Phật diệt độ trong năm trăm năm đầu tiên, đệ tử Phật học tuệ được bền chắc, và kiêm tu các hạnh khác; trong năm trăm năm thứ hai, học định được bền chắc, và kiêm tu các hạnh khác; trong năm trăm năm thứ ba, học và đọc tụng nhiều kinh luận được bền chắc, đồng thời kiêm tu các hạnh khác; trong năm trăm năm thứ tư, xây dựng chùa tháp, tu phúc và sám hối được bền chắc, lại kiêm tu các hạnh khác; trong năm trăm năm thứ năm, chính pháp bị ngăn che, có nhiều tranh tụng, ít có thiện pháp bền chắc.

Nếu theo kinh này, hiện nay (*lúc soạn bộ luận này*) là thời gian hơn năm trăm năm thứ tư, đã không có phần tu định tuệ, chỉ nên tu phúc và sám hối, tu phúc và sám hối là việc thiết yếu nhất. Xét các kinh luận, lễ Phật, niệm Phật,

và quán tướng hảo của Phật là hạnh tu thù thắng nhất. Do đó, **Quán kinh** ghi: "Nếu chí tâm niệm Phật A-di-đà thì trong mỗi niệm diệt được trọng tội sinh tử trong 80 ức kiếp".

Hiện nay, xét căn và thời, hành giả đã không có phần tu định tuệ, chỉ cần chuyên niệm Phật A-di-đà để cầu sinh Tịnh độ; đó là con đường cốt yếu. Nếu ai tự biết mình có phần định tuệ thì tu đạo ở cõi Ta-bà này để được đạo Vô thượng bồ-đề. Nếu tự biết mình không có phần định tuệ thì nên tu hạnh Tịnh độ, đến được Tịnh độ rồi sẽ dễ được Vô thượng bồ-đề. Do đó, **luận Trí độ** ghi: "Hành giả cầu A-bê-bạt-trí có hai con đường: Một là đường khó đi, hai là đường dễ đi, giống như hai đường thủy và bộ. Ở cõi này thì tu đạo khó, giống như đi đường bộ; còn sinh về Tịnh độ thì tu đạo dễ, giống như đi đường thủy". Hơn nữa, Phật có bốn cách độ chúng sinh, như **kinh Chính pháp niệm** ghi: "Một là thuyết pháp độ chúng sinh, hai là dùng hào quang và tướng hảo độ chúng sinh, ba là dùng thân thông đạo lực độ chúng sinh, bốn là dùng danh hiệu độ chúng sinh". Trong bốn cách ấy, cách dùng tướng hảo và danh hiệu độ chúng sinh đúng là cách của thời nay. Đó tức là quán sát tướng hảo của Phật A-di-đà và xưng niệm danh hiệu Ngài.

**Kinh Vô Lượng Thọ** ghi: "Vì chúng sinh đời vị lai phải chịu Ngũ khổ, Ngũ thống, Ngũ thiêu, nên Phật muốn chúng sinh tu hạnh Tịnh độ". **Quán kinh** ghi: "Ta vì tất cả phàm phu đời vị lai phải bị giặc phiền não quấy nhiễu, nên giảng thuyết hạnh Tịnh độ". **Kinh A-di-đà** (Tiểu bản) ghi: "Ta vì chúng sinh đời Ngũ trược mà nói hạnh Tịnh độ".

**Các kinh Thanh tịnh giác, Cổ Âm Thanh Vương, Đại tập** đều nói như thế. Căn cứ những kinh như thế, Phật đều vì chúng sinh đời vị lai mà nói ra. Cho nên biết, thời nay là thời niệm Phật và tu hạnh Tịnh độ. Nếu sinh về Tịnh độ, đâu chỉ vĩnh viễn xa lìa đường ác, mà cũng còn mau chóng chứng được Vô thượng bồ-đề.

## CHƯƠNG IX.

### DAY NGƯỜI CHÁN CỐI UẾ, ƯA CỐI TỊNH

- **Hỏi:** Hiện đã là 500 năm thứ tư, chúng sinh không có phần tu định tuệ, chỉ sám hối và niệm Phật được bền vững. Làm thế nào để dạy người ta chán cõi Uế, ưa cõi Tịnh? Khích lệ tinh thần chúng sinh như thế nào để khiến tất cả đều chán cõi Ta-bà dơ uế và được sinh về Tịnh độ?

- **Đáp:** Nay tôi dẫn kinh luận và lý lẽ để dạy mọi người chán cõi Uế, ưa cõi Tịnh. Nếu chúng sinh vâng theo lời Phật khuyên mà nhàm chán thế giới Ta-bà, ưa thích thế giới Cực Lạc thì hay phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, đều được vãng sinh Tịnh độ. Nếu chúng sinh không tin ưa pháp môn này, khó dạy, khó ngộ, khó độ, khó thoát thì không thể cứu được. Do đó, ***kinh Vô Lượng Thanh tịnh giác*** ghi: "Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe giảng pháp môn Tịnh độ, tâm liền xúc động, lông trên người dựng đứng, thì nên biết người ấy trong đời quá khứ đã tu Phật đạo. Nếu người nghe giảng dạy pháp môn Tịnh độ mà không chút tin ưa thì nên biết người ấy mới rời khỏi ba đường ác, tội lỗi chưa hết, ta nói người ấy chưa thể giải thoát được".

#### IX.1 CHÁN CỐI UẾ

Nay căn cứ các ***kinh Niết-bàn***, v.v..., tôi khuyên người hậu học nên tiến tu, người hiểu biết vào đêm tối vắng lặng nên ngồi kiết già tư duy: "Thân này của ta mong manh như bọt nước, không ngừng thay đổi trong từng niệm, lại ở trong nhà lửa, là nơi không yên ổn, đâu được thản nhiên không tự tỉnh thức, không chút sợ hãi?". Người ấy lại nên suy nghĩ: "Thân ta nay đang ở địa vị nào? Nghiệp thân, miệng, ý thường làm những việc gì? Khi vô thường chợt đến thì sẽ sinh vào đường nào? Nghiệp ác từ vô thì tranh nhau đến chỗ thụ sinh, trong khoảng sớm chiều liền trở thành người trong địa ngục, có được bao nhiêu thời gian an ổn ngủ trên giường?! Vô lượng vô biên chư Phật và Bồ-tát quá khứ đã xuất hiện ở đời cứu độ chúng sinh. Ta tới lui nơi nào mà không được Phật hóa độ? Tất cả đều do từ vô thì đến nay ta không tôn kính Tam

bảo, không gàn gỏi người hiền, không làm theo lời của thiện tri thức, nên thường ở trong ba đường ác, không được gặp Phật. Tịnh độ trong mười phương không khổ, không phiền, tại sao ta không sinh về đó, mà lại thường ở cõi Uế này, nơi có nhiều phiền khổ?".

Thân người của ta hiện nay khó có được mà dễ mất, như **kinh Niết-bàn** ghi: "Thân người khó được, giống như đất bám trên móng tay, còn thân trong ba đường ác giống như đất trên đại địa". Từ vô thủy đến nay, ta thụ thân không thể đếm được đã bao kiếp; trong mỗi kiếp không thể đếm được hết số thân; mỗi một thân đã tạo nghiệp nhiều như cát bụi, không thể đếm hết được; mỗi một ác nghiệp đều có cảm quả báo, số quả báo ấy không thể đếm hết được; mỗi một quả báo đều khiến ta chịu khổ muôn mối, không thể đếm hết được. Những mối khổ như thế đều do không hiểu biết, không làm theo lời khuyên của thiện tri thức, đến nỗi thường phải ở trong địa ngục. Quá khứ đã chịu khổ, hiện tại đang chịu khổ và vị lai sẽ chịu khổ, không có lúc nào dừng. Hơn nữa, thân này từ lúc sinh ra đến nay, vì cầu áo cơm, nếu là người thế tục thì nuôi dưỡng vợ con, nếu là người xuất gia thì mưu cầu danh lợi, thường tạo bao nhiêu nghiệp ác. Những nghiệp như thế, nhẹ thì cũng cảm quả báo trong 500 đời, nặng thì nhiều kiếp. Những nghiệp ác ấy, nếu không phát tâm Bồ-đề, hổ thẹn và sám hối, thì đều phải rơi vào đường ác không có ngày ra, trong khoảng sớm tối liền vào lò lửa, vạc dầu, rừng dao, núi kiếm, suốt trăm kiếp, ngàn kiếp chịu tất cả những đau khổ nặng nề và lâu dài. Quá khứ đã chịu những đau khổ về thân và tâm, vị lai cũng phải chịu những sự đau khổ vô cùng, khó bỏ khó lìa, mà lại không tỉnh táo nhận biết. Kẻ phàm phu như thế thật đáng xót thương!

Người trí lại suy nghĩ: "Nên có tâm lo sợ, đâu được thản nhiên buông lung thân tâm không tự tỉnh giác quán sát. Nay ta phúc mỏng, căn độn, mới sinh sau Đức Phật Thích-ca và trước đức Di-lặc. Như thế, chắc có lẽ trong quá khứ ta từng kiêu mạn, biếng nhác, không tôn kính Tam bảo, khinh thường người lành, không nghe theo lời chỉ dạy của thiện tri thức, thường ở trong ba đường ác và tám nạn, ngu đần, không hiểu biết. Ngày nay lại còn khinh thường Tam bảo, xem rẻ người lành, không nghe lời thiện tri thức, thì đời vị lai làm sao gặp được Tam bảo, được sinh về chỗ tốt lành? Đã thế, thân này dù muốn

tu đạo, cũng không được yên ổn, bởi vì ở thế giới Ta-bà này, tuổi thọ con người ngắn ngủi, có nhiều thầy bạn ác, cứ mãi đau đầu lo âu hoặc thiếu thốn áo cơm, hoặc bị vua quan bức bách, hoặc bị người khác xem thường, hoặc bị người chê trách, thường bị quấy rối, không được yên ổn, thiện tâm vừa khởi liền bị lui sụt mất. Ngoài ra, thân này chỉ là do 36 vật bất tịnh tạo thành, những chất dơ bẩn thường xuyên chảy ra từ 9 lỗ, giống như nhà xí, không thể ưa thích được, lại còn bị các thứ khổ: sinh, già, bệnh chết, xa lìa người thân yêu, gặp kẻ oán ghét, mong cầu chẳng được, năm ám sung mãn,... đeo đuổi. Người hiểu biết nên quán tưởng thân này là kẻ thù, là đồng phân; quán tưởng nhà cửa và giường ghế là mờ mả, là vật bên ngoài; quán tưởng thức ăn uống là dòi bọ, là nước bẩn; quán tưởng vợ con và quyến thuộc là la-sát, là ác quỷ. Nếu tâm có thể quán sát như thế thì sẽ hết sức chán ghét thân này, nguyện đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không thụ thân này, không ở chung với thân này, thân này chính là kẻ thù của ta, thường dẫn ta đến ba đường ác. Đâu có người hiểu biết nào ưa thích thân này! Như *kinh Di Giáo* ghi: "Đây là vật tội lỗi đáng phải bỏ đi, chỉ tạm gọi là thân. Nó chìm trong biển cả sinh tử, đâu có người hiểu biết nào trừ diệt được nó mà không vui mừng!

## IX.2. ƯA THÍCH CỠ TỊNH

Người hiểu biết lại nghĩ: "Nay thân này của ta sinh trong thời 500 năm thứ tư, tất cả Thánh nhân đều không xuất hiện, tuy ta muốn tu đạo, cũng không có phần tu định tuệ, vì hiện nay chính là thời sám hối niệm Phật. Kinh ghi: "Đức Phật A-di-đà bạt mái chèo Từ bi, cưỡi con thuyền Đại nguyện, không ngừng cứu vớt tất cả chúng sinh đau khổ. Nếu người nào chí tâm niệm Phật A-di-đà thì trong mỗi niệm sẽ diệt được tội sinh tử trong 80 ức kiếp, lúc qua đời chắc chắn được sinh về Tịnh độ, hưởng mọi niềm vui, chứng được năm thân thông, được ngôi Bất thoái chuyển. Bảy giờ nơi cõi báu, rừng hoa tùy ý dạo chơi, thật tướng viên âm mặc tình nghe nhận; trên đài hoa sen rực rỡ thân vàng tôn quý. Trên đài kim cang rạng ngời 32 tướng Đại trượng phu. Bên thềm thất bảo, ta qui dài thưa hỏi pháp môn Bất Nhị; trong ao nước tám công đức, ta rửa sạch trần cấu vô minh; mặc thì lụa là vừa thân, ăn thì trăm món đầy bát, đi thì hoa sen xanh đỡ chân, ngồi thì hoa báu nâng thể. Cây xao



động bởi những cành lá lưu li, rùng đong đưa từ những đóa hoa mã não; lại lan tỏa những mùi hương thơm ngát, quả rực rỡ bởi những sắc màu. Lại có lan can chạm trổ bằng tứ bảo, đất sáng rực bởi thất trận. Tiếng sáo tiếng tiêu phát ra nghìn âm thanh tuyệt diệu, lầu vàng gác ngọc hàm chứa muôn vạn sắc màu; chim bạch hạc và khổng tước thường diễn nói pháp Ngũ căn; chim anh vũ, chim xá lợi thường tuyên dương Bát chính đạo, Đức Phật A-di-đà thì rõ ràng các tướng đại trượng phu, bồ-tát Quán Thế Âm thi đầy đủ các vẻ đẹp. Những việc như thế không thể nghĩ bàn, ai nghe nói mà không vui mừng khôn xiết!

- **Hỏi:** Ngài đã chỉ dạy sự chán ghét cõi Uế và ưa thích cõi Tịnh, người hiểu biết đã ngộ rồi, nhưng kẻ độn căn còn chấp sai lầm chưa thức tỉnh. Xin ngài lại thúc giục kẻ độn căn để họ cũng được vãng sinh Tịnh độ.

- **Đáp:** *Kinh A-di-đà* (Tiểu bản) ghi: "Chư Phật khắp mười phương đều hiện tướng lưới rộng dài che khắp 3000 Đại thiên thế giới, khuyên tất cả chúng sinh vãng sinh Tịnh độ". Nhưng có chúng sinh không vâng lời khuyên của Phật, khó dạy, khó ngộ, khó độ, khó thoát, thì biết làm thế nào? Những chúng sinh ấy, theo *kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác*, mới từ địa ngục đến, tội lỗi chưa hết.

Do đó, *kinh* ghi: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói pháp môn Tịnh độ mà lòng tràn đầy xúc động, lông trên người dựng đứng, nên biết, người ấy trong quá khứ đã tu Phật đạo. Nếu có người nghe pháp môn Tịnh độ mà không tin ưa, nên biết, người ấy mới từ ba đường ác đến, tội lỗi chưa hết, vì thế, họ không tin theo; ta nói người ấy không thể giải thoát được.

*Kinh Vô Lượng Thọ* ghi: "Người kiêu mạn và biếng nhác khó tin pháp này". Cả hai *kinh Vô Lượng Thọ* và *Vô Lượng Thanh Tịnh Giác* đều ghi: "Cõi thắng đạo vô cực dễ đến mà không có người". Cõi Tây phương là cõi thắng đạo vô cực, nếu người chuyên tâm niệm Phật trong bảy ngày, các việc thiện làm được đều hồi hướng về Tây phương thì đều được vãng sinh về đó, vĩnh viễn xa lìa ba đường, bước vào giai vị Bát thoái chuyển; đây là lý do "dễ đến". Nhưng có những chúng sinh không chịu tin theo pháp môn Tịnh Độ, cứ mê

muội trong ngũ dục, ưa thích vào đường ác, giống như giòi bọ trong nhà xí, đây là lý do "không có người". Hơn nữa, Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cưỡi con thuyền đại nguyện đi trong biển sinh tử đến thế giới Ta-bà này kêu gọi chúng sinh lên thuyền này, đưa họ về Tây phương. Nếu chúng sinh nào lên thuyền đại nguyện, đều được đến Tây phương; đây là lý do "dễ đến". Thích-ca Như Lai và chư Phật khắp mười phương, các vị Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù, Thiên Thân, Long Thọ, hoặc hiện tướng lưới rộng dài, hoặc phỏng ánh sáng từ tường bạch hào, hoặc nói huyền môn Ngũ niệm, hoặc dạy Thập nhị tán lễ, đều ân cần khuyến khích chúng sinh về Tịnh độ, nhưng họ không tin ưa nên không chịu đến Tây phương; đây là lý do "không có người".

Ngoài ra, chúng sinh từ vô thủy đến nay tạo các nghiệp ác nhiều hơn số cát sông Hằng; mỗi nghiệp ác đều cảm quả báo khổ cũng nhiều vô số. Nếu người nào có thể chuyên tâm niệm Phật trong bảy ngày hoặc mười ngày, mỗi niệm sẽ diệt được tội nặng sinh tử trong 80 ức kiếp, cắt ngang dòng khổ, sinh thẳng về Tịnh độ; đây là lý do "dễ đến". Nhưng chúng sinh mãi chạy theo tiền của, sắc dục, tham đắm danh lợi, không sớm phát tâm tu hành, khi vô thường chợt đến thì rơi vào ba đường ác trăm vạn kiếp không có ngày ra; đây là lý do "không có người". Lại, chúng sinh tin lời Phật, lời Bồ-tát, lời thiện tri thức, không theo lời ác tri thức, cho đến chúng sinh tin Thập ác, ngũ nghịch, lúc lâm chung, thành tựu được mười niệm niệm Phật, thì liền được vãng sinh; đây là lý do "dễ đến". Nếu có chúng sinh không tin lời Phật lời Bồ-tát, lời thiện tri thức, nhưng nương theo các sư không có học vấn hoặc kẻ tục gia không hiểu biết mà nói dối là hiểu pháp Đại thừa, dẫn chứng càn kinh luận, làm loạn Phật pháp, dối gạt chúng sinh, suy nghĩ sai lầm về công hạnh Phật, đánh mất căn lành, đọa vào ba đường ác, không được vãng sinh; đây là lý do "không có người". Nếu có người nghe nói chuyên niệm Phật A-di-đà sẽ được vãng sinh, liền sám hối nghiệp ác, tu tập các thiện căn, giữ giới thanh tịnh, chuyên niệm danh hiệu Phật, nhất tâm không loạn đến trăm vạn biến, người ấy lúc lâm chung được chính niệm hiện tiền, Phật liền đến rước. Đây là lý do "dễ đến". Nếu có chúng sinh nghe nói đến Phật A-di-đà mà vẫn cố tạo tội, dù có niệm danh hiệu Phật, song tâm duyên năm dục thì cũng chỉ là xen niệm phiền não,

đến lúc lâm chung, tâm sẽ điên đảo, Phật không đến rước. Đây là lý do “không có người”.

- **Hỏi:** Kinh tuy nói niệm Phật bảy ngày liền được vãng sinh, nhưng tôi chưa biết niệm bao nhiêu danh hiệu Phật mới được vãng sinh?

- **Đáp:** Thiền sư Đạo Xước nghiệm xét văn kinh rồi cho rằng chỉ cần niệm Phật đến nhất tâm không loạn, được trăm vạn biến trở đi, chắc chắn sẽ được vãng sinh. Y cứ theo **kinh A-di-đà** (Tiểu bản), thiền sư lại kiểm thấy niệm Phật bảy ngày được trăm vạn biến. Vì thế nên **kinh Đại tập**, **kinh Dược Sư** và **kinh A-di-đà** (Tiểu bản) đều khuyên niệm Phật bảy ngày.

- **Hỏi:** Nghiệp tội của chúng sinh chất chứa từ rất lâu, nhiều như núi, làm sao mười niệm có thể diệt nhiều nghiệp tội được? Dù có niệm đến trăm vạn biến, cũng là quá ít, mà nếu không diệt hết tội thì làm sao được vãng sinh?

- **Đáp:** Vấn đề này có ba nghĩa:

1. Không cần diệt số nghiệp tội ấy, mà lúc lâm chung vẫn được vãng sinh Tịnh độ: Đó là nếu lúc lâm chung giữ được chính niệm hiện tiền, tâm ấy có thể dẫn các nghiệp thiện tạo được từ vô thủy đến nay và trong đời này cùng giúp sức, khiến họ liền được vãng sinh.

2. Danh hiệu của chư Phật do gom muôn đức mà thành: Nếu có thể niệm Phật một niệm, tức là trong một niệm đó đã niệm chung cả muôn đức. Kinh Duy-ma ghi: “Nghĩa ba câu ấy, giả sử chúng sinh trong 3000 thế giới đều là bậc Đa văn đệ nhất như ngài A-nan, lại sống lâu đến một kiếp, cũng không thể thọ trì nổi”.

3. Nghiệp ác vô thủy sinh từ vọng tâm sinh, công đức niệm Phật sinh từ chân tâm sinh, chân tâm giống như mặt trời, vọng tâm giống như bóng tối. Chân tâm vừa khởi thì vọng tâm liền mất, giống như mặt trời mới lộ dạng thì bóng tối tan mất. Do ba nghĩa này, nên ngay đến người lúc lâm chung thành tựu được mười niệm niệm Phật, chắc chắn được vãng sinh.

- **Hỏi:** Tịnh độ thắng diệu chính là chỗ ở của đấng Pháp vương, Liên hoa đài tạng chẳng phải nơi đến của hàng phàm phu. Về lý, phàm phu phải ở cõi phàm, thánh nhân phải trụ cõi thánh, sao hạng phàm phu thấp kém lại được sinh về chỗ thắng diệu ấy?

- **Đáp:** Căn cứ 48 đại nguyện của Phật A-di-đà, Tịnh độ tuy nhiệm mầu nhưng vốn nhằm thành tựu hàng phàm phu, Liên hoa đài tạng là chỗ họ thác sinh. Nếu phàm phu không đến được Tịnh độ, thì Pháp vương lẽ ra đâu thể đến chốn năm trước! Nhưng Phật là đấng Pháp vương, vì muốn hóa độ chúng sinh, nên Ngài đến chốn năm trước. Cũng như thế, tuy là hàng phàm phu, nhưng để cúng dường Phật, nên chúng sinh sinh về Tịnh độ. Lý này thật rõ ràng.

Ngoài ra, Tịnh độ kia là cảnh giới không có người nữ và năm dục, do chư Phật dùng phương tiện từ bi sắp đặt riêng ở một phương, giúp chúng sinh trong đó tu đạo. Đó cũng là nơi của chúng sinh hóa sinh, chẳng phải chỗ cực diệu. Giống như trong thôn xóm, chọn ra một nơi riêng biệt để làm chùa, tại đó việc thế tục được dẹp bỏ, để chư tăng tu đạo, hễ chúng sinh nào bước vào chùa thì đều khởi thiện tâm, chốn Tịnh độ kia cũng như thế. Đến như diệu cảnh ở bốn cõi Thiên và các cung điện của sáu tầng trời này, y báo đều là trận bảo hiểm lạ, chính báo đều là diệu tướng sáng rỡ, y phục mỏng nhẹ, thức ăn trăm vị ngon, chỗ ngồi và nằm đều là cung hoa báu, nơi dạo chơi là các vườn cây xinh đẹp, nhưng những nơi như thế cũng đâu phải là chỗ ở của đấng Pháp vương, mà đều là cảnh giới do nhân lành của phàm phu cảm được. Sự so sánh này thật rõ ràng.

- **Hỏi:** *Kinh luận Đại thừa* đều nói về vô tướng vô sinh, tại sao kinh này khuyên bảo chúng sinh quán tướng và cầu sinh về Tịnh độ?

- **Đáp:** Câu hỏi này là câu hỏi không thuận lý, lẽ ra không đáp. Nếu đáp, trước nên hỏi ngược lại: "Chư Phật có 84.000 pháp môn, ông hỏi pháp môn nào? Tịnh độ phương Tây thuộc pháp môn nào? Vô tướng vô sinh thuộc pháp môn nào?". Nếu người nọ đáp rằng cả hai chỉ là một pháp môn, thì đó là người ngu si, ông không cần nói chuyện với họ. Nếu người ấy đáp: "Vô tướng vô sinh

là lý, hữu tướng hữu sinh là sự"; nếu đáp như vậy, thì tự hiểu rồi, đâu cần hỏi nữa. Do đó, muốn đáp thì tôi đáp: "Chư Phật có 84.000 pháp môn khác nhau, không lẫn lộn, nếu tóm chung lại thì chính là chân đế và tục đế. Dù có Phật hay không có Phật, tính tướng hai đế này vẫn thường trụ, không do người tạo ra. Cho nên **Trung luận** ghi: "Chư Phật thuyết pháp thường căn cứ vào hai đế", và: "Nếu có người không phân biệt được hai đế, người ấy không lĩnh hội được nghĩa chân thật của Phật pháp sâu xa".

### **Tịnh độ phương Tây có ba loại:**

1. Pháp thân Tịnh độ là cõi vô tướng vô sinh.
2. Bảo thân Tịnh độ thật ra theo lý cũng là cõi vô tướng vô sinh, còn theo sự là hữu tướng hữu sinh.
3. Hóa thân Tịnh độ cũng là cõi hữu tướng hữu sinh.

Do đó, **luận Nhiếp Đại thừa** ghi: "Hóa thân luôn luôn ra đời, mà thường xuyên nhập diệt", tức là Đức Phật sinh trong cung vua, nhập diệt ở rừng Song Thọ, mà nay khuyên chúng sinh cầu sinh là sinh trong Hóa thân độ. Nếu chúng sinh muốn vãng sinh, chỉ cần quán tướng sinh. Phép quán này gồm có quán *Giả* và quán *Thật*. trước hết, cần quán *Giả* cho thật rõ ràng, sau đó, mới quán *Thật*. Như trong mười sáu pháp quán, hai pháp quán mặt trời và nước là quán *Giả*, từ pháp quán đất trở đi đều phải nhờ vào tam muội để thành tựu, nên gọi là quán *Thật*. Sở dĩ như thế là vì đó là nơi chúng sinh thụ sinh, vì đó là sự pháp, là tục đế, là hành pháp, là thụ xứ, vì chúng sinh nơi đó có thân phần đoạn, chết đây sinh kia, vì đó là pháp hữu lậu, vì đó là pháp hữu vi, vì nơi đó thuộc ba cõi, có đến có đi, chúng sinh trong đó đều là chúng sinh hóa sinh. Nếu quán vô tướng vô sinh thì không được vãng sinh, vì lý pháp thân vô sinh. Nếu muốn chỉ dạy mọi người thì có thể nói hữu sinh, hoặc cũng có thể nói vô sinh. Nếu tu cả sự và lý thì được Thượng phẩm thượng sinh.

- **Hỏi:** *Kinh Kim cang bát-nhã* ghi: "Nếu ai dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta thì người đó thực hành tà đạo, không thể thấy Như Lai"; kinh Phật tạng ghi: "Nói thấy Phật, tức là tà kiến nặng". Nhưng tại sao ở đây dạy người quán Phật A-di-đà có 84.000 tướng quý?

- **Đáp:** Việc này đã trả lời ở trên rồi. Những kinh như thế đều y cứ vào lý pháp thân, cho nên kinh *Kim cang bát-nhã* ghi: "Diệu thể Như Lai kia chính là pháp thân. Pháp thân không thể thấy được, ý thức cũng không thể biết". Nay quán 84.000 tướng hảo, chính là quán Ứng hóa thân. Nếu quán tướng này thì cần quán từng tướng rõ ràng, từng vẻ đẹp riêng biệt, không được nhập thành một tướng. Nếu có người nói muôn pháp đều là không, thì sự lý này thế nào? Đó là người tà kiến nặng, người ngu dốt, người không có học vấn, người dối gạt thế gian. Chớ nói chuyện với họ!

**Trung Luận** ghi: "Nếu ai thấy có Như Lai, đó là người có tà kiến nhẹ; nếu ai nói không có Như Lai, đó là người có tà kiến thô nặng; tất cả đều có hai tội là phá hoại niềm vui thế gian và phá hoại đạo Niết-bàn". Luận này chỉ trình bày theo lý. Nếu nói theo sự, ai thấy có Như Lai là thấy chân chính, chắc chắn được vãng sinh. Hơn nữa, luận Địa trì nói: "Thà khởi Hữu kiến lớn như núi Tu-di, chớ không khởi Không kiến nhỏ bằng hạt cải".

- **Hỏi:** Nghĩa người niệm Phật cắt đứt được dòng khổ, được sinh về Tịnh độ trích từ văn kinh nào?

- **Đáp:** Từ văn *kinh Vô Lượng Thọ*, kinh ghi: "... cắt đứt năm đường ác, đường ác tự nhiên dứt, đường thăng tiến rộng vô cùng, dễ đi mà không có người".

- **Hỏi:** Nghĩa người niệm Phật không rơi vào ba đường ác trích từ văn của kinh nào?

- **Đáp:** *Kinh Độ chư Phật cảnh giới* ghi: "Nếu chúng sinh nghĩ tưởng đến Như Lai mà khởi các hạnh lành thì trừ được nghiệp địa ngục, súc sinh,

ngạ quỷ trong vô số kiếp. Nếu có chúng sinh khởi một niệm nghĩ đến Như Lai thì được vô số công đức không thể tính đếm được, các đại Bồ-tát cũng không thể biết được giới hạn của những công đức ấy".

- **Hỏi:** Nghĩa niệm Phật diệt được tội nói ở trên được trích từ văn kinh nào?

- **Đáp:** Kinh Quán Phật tam-muội ghi:

- Nếu đệ tử ta lìa bỏ chỗ ồn ào, ngày đêm sáu thời, mỗi thời chia thành nhiều - phần nhỏ, trong mỗi phần nhỏ có thể quán tưởng tượng bạch hào của Phật trong chốc lát, giữ tâm tưởng rõ ràng, không nhầm lẫn, tập trung ý nghĩ, dù thấy được tướng hảo của Phật hay không, thì người này cũng trừ được tội sinh tử trong vô số kiếp.

Lại nữa, **kinh Đại tập** ghi:

- Phật nói: "Này A-nan! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân trong một kiếp hoặc ít hơn một kiếp dùng tất cả mọi món vừa ý cung kính cúng dường các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đầy khắp trong ba nghìn đại thiên thế giới, ý ông thế nào, người ấy được phúc có nhiều không?". A-nan đáp: "Thưa Thế Tôn, rất nhiều". Phật bảo ngài A-nan: "Nếu lại có người ở trước chư Phật chấp tay một lần, xưng danh hiệu các Ngài một lần, so với phúc đức của người này, phúc đức của người trước không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn ức, một phần ca-la. Vì sao? Vì phúc điền của chư Phật Như Lai lớn nhất trong các phúc điền".

**Kinh Địa Tạng Bồ-tát** ghi:

- Nếu người nào muốn sinh về Tịnh độ hiện tại ở phương khác, phải chuyên tâm tụng niệm danh hiệu Phật của thế giới ấy, đến nhất tâm không loạn thì chắc chắn được vãng sinh Tịnh độ của Đức Phật ấy, căn lành tăng trưởng, thành tựu mau chóng quả vị Bất thoái chuyển.

**Người hỏi tỏ bày.** Tịnh độ chính là nẻo về thiết yếu do ngài Pháp Tạng khéo khuyên, là thuật vi diệu trong tâm Phật Thích-ca thể hiện, chúng sinh

sáu đường nhờ đó mà chám dứt luân hồi, bốn loài nương đó mà thác sinh, mãi mãi an vui ở Tịnh độ, vĩnh viễn lìa xa khỏi Ta-bà. Đâu chỉ tu ba phúc nghiệp sẽ bước lên Thượng phẩm, mà chỉ cần khởi mười niệm Phật cũng được vào Hạ sinh. Đó là nơi mọi chúng sinh cùng qui tụ không sót một người.

Nay Ngài đã dùng yếu thuật khai ngộ cho tôi, dùng ngọn đuốc soi đường giúp tôi. Từ nay về sau, tôi xin cung kính vâng theo. Xin có bài tụng:

***Bốn loài quá mênh mang !***

***Ba cõi sao mờ mịt!***

***Đều gọi là nhà lửa,***

***Đồng tên là lũ mù,***

***Mờ mịt trong đêm dài,***

***Ngủ mãi chẳng hề tỉnh.***

***Nhờ lời phó chúc ngắn,***

***Soi sáng chỗ tối tăm.***

***Đại nguyện của Pháp Tạng***

***Y chí muốn hoằng dương,***

***Nêu cao môn Tịnh độ,***

***Hiệu là Vô Lượng Thọ,***

***Dạy mười sáu phép quán,***

***Vãng sinh về chín phẩm,***

***Ảnh hưởng lớn khắp nơi,***

***Ngàn năm không hoại diệt.***

**- HẾT -**